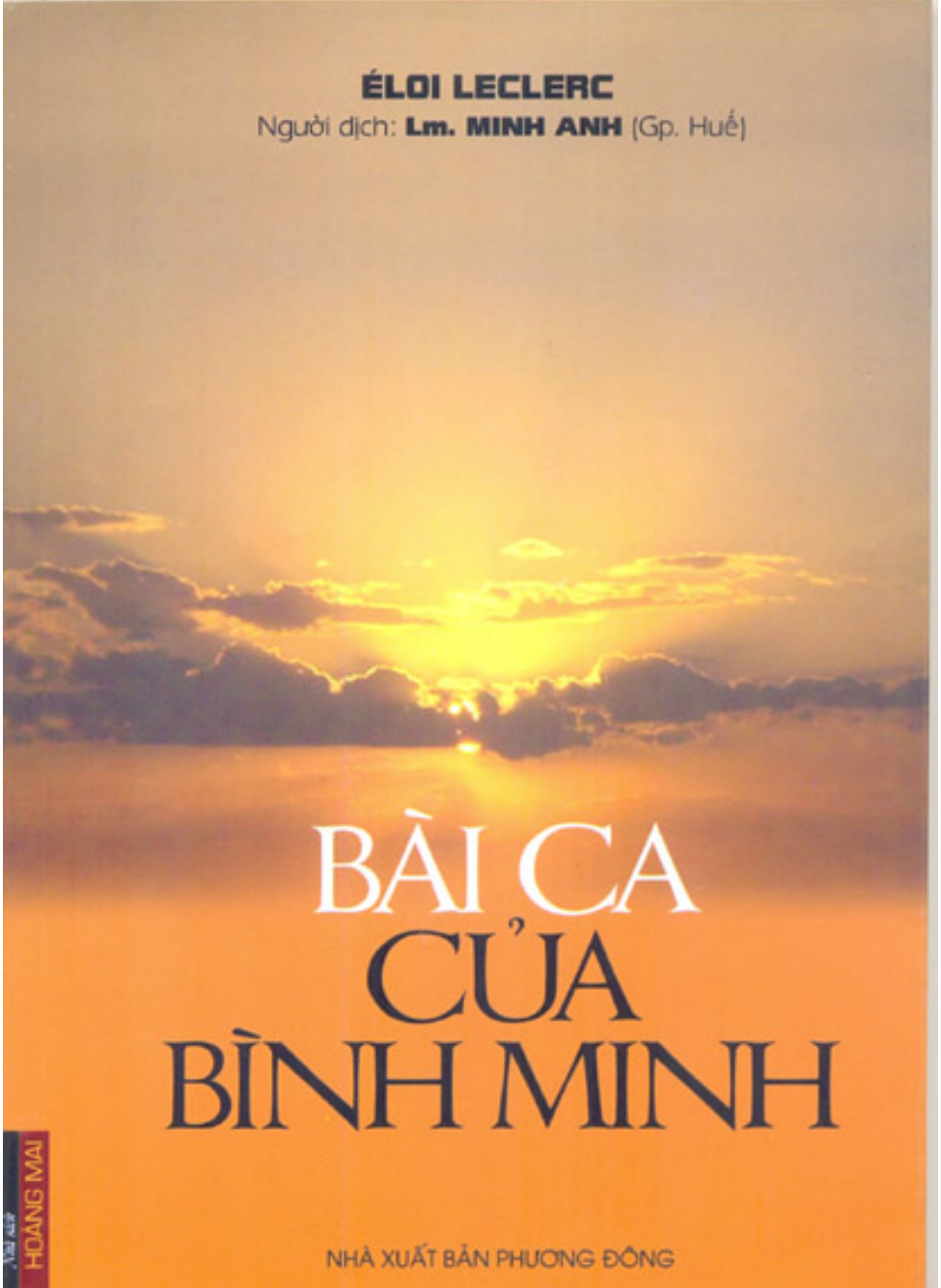


ÉLOI LECLERC

Người dịch: **Lm. MINH ANH** (Gp. Huế)



**BÀI CA
CỦA
BÌNH MINH**

HOANG MAI

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

Eloi Leclerc

BÀI CA CỦA BÌNH MINH

THE SONG OF THE DAWN

Người dịch: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

Eloi Leclerc

BÀI CA CỦA BÌNH MINH

THE SONG OF THE DAWN

Nguyên tác: The Song of The Dawn

Tác giả: Eloi Leclerc

Người dịch: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

Nihil Obstat:

Mark P. Hegener, O.F.M.

Censor Deputatus

Imprimatur:

Msgr. Richard A. Rosemeyer, J.C.D.

Vicar General, Archdiocese of Chicago

Nội dung:

Lời nói đầu

1. Sự Ra Đời Của Một Bài Ca
2. Bài Ca Dâng Lên Đấng Siêu Việt
3. Tình Bằng Hữu Vũ Trụ
4. Điều Kỳ Diệu
5. Chiều Kích Sâu Thẳm
6. Con Sói Được Thuần Hoá
7. Bên Dưới Dấu Hiệu Của Sự Tha Thứ
8. Mặt Trời và Cái Chết

Lời Kết: Thánh Bồn Mạn của Các Nhà Sinh Thái.

LỜI NÓI ĐẦU

Người ta có thể ngạc nhiên khi những ý tưởng sâu sắc lại được tìm thấy trong những tác phẩm thi ca của các nhà thơ hơn là của các triết gia; bởi lẽ, nhà thơ vận dụng hết mọi nỗi niềm và khai thác tới đa khả năng tưởng tượng. Như đá lửa, trong chúng ta, có những hạt giống của ánh sáng. Qua lý trí, triết gia khơi dậy chúng, đang khi nhà thơ làm cho chúng chiếu toả rạng ngời hơn nhờ đặc ân tưởng tượng.

Descartes, *Cogitationes Privatae*

Không gì lộ bịch bằng khi lỗ tai một con lừa thò ra dưới chiếc mũ của một bác sĩ. Có lần ở Montréal, tôi tổ chức một cuộc hội thảo về Bài Ca Thọ Táo của Thánh Phanxicô Assisi. Trong cuộc trao đổi theo sau bài nói chuyện, một người rất danh giá đưa ra nhận định, “Thế giới, trong đó thánh Phanxicô sống, có một đầu óc tiên khoa học và cách tự nhiên, ngài đã chia sẻ trí lực này. Đây là lý do tại sao ngài có thể nói về ‘Chị Nước của chúng ta’. Nhưng với những nhân quan khoa học hôm nay, chúng ta không thể nói theo cách này nữa; thậm chí không thể nói là nước nữa nhưng phải nói ‘H₂O’”.

“Bạn quá duy lý đến nỗi không thể tin vào mặt trời”, Holderin nói với các tác giả tư sản thời mình. Tương tự, tôi có thể đáp lại diễn giả trên, “Ngài quá duy lý đến nỗi không tin vào Chị Nước”.

Sẽ không ngoài lẽ khi nhắc lại rằng, thơ không phải là một ngôn ngữ tiên khoa học, tiên lý trí hay một cách thức diễn đạt những gì sơ khai và cổ thời mà khoa học đã thay thế. Khoa học là một ngôn ngữ, thơ là một ngôn ngữ khác. Thơ không chỉ diễn đạt sự vật cách khác nhưng còn nói lên những điều gì đó. Khi khen

ngợi thế giới, nhà thơ nói đến giấc mơ thâm sâu của con người. Vì thế, cả khi dường như đang mô tả thiên nhiên, nhà thơ vẫn có thể thổ lộ một bí mật mà chỉ linh hồn mình biết. Mọi thơ ca đều bí ẩn, chúng tiến về một vùng đất hứa khởi từ một thiên đường bị lạc mất. Vì thế, thơ ca mở rộng thế giới với những tưởng tượng, với những kỳ quan. Nhưng như Aragon cho thấy, “Kỳ quan có giá trị như một đối kháng chống lại một thế giới phân tán cũng như sáng tạo và siêu việt vốn dẫn đến một thế giới tốt đẹp hơn”.

Hãy cùng đọc lại Bài Ca Anh Mặt Trời của Phanxicô Assisi trong ánh sáng này.

Khi hát về thọ tạo, Phanxicô không chỉ nói đến những gì bên ngoài nhưng còn gọi lên cả một thực tại mệnh mông mõi mẽ bên trong; ở đó, tinh thần con người và thọ tạo vật chất gặp nhau, cùng khám phá chính mình trong một sự hài hòa tuyệt diệu. “Anh Mặt Trời”, “Chị Nước”, chúng ta cần trở nên một nhà thơ lớn để có thể đặt những từ ngữ đơn giản này lại với nhau; thậm chí lớn hơn nữa, để dám nói, “Chị, Mẹ Trái Đất của chúng ta”. Những lời lẽ thường ngày này bất ngờ được kết hợp trong tình yêu và ước mơ, tổ chức một cuộc về nhà; chúng diễn đạt một sự giao hòa bí nhiệm; ở đó, con người và thế giới được tái sinh trong sự hiệp nhất ban đầu.

Thế nhưng, chiều sâu của kinh nghiệm này sẽ qua đi nếu chúng ta quên rằng, Bài Ca Thọ Tạo trước tiên là một tiếng ca ngợi khen ngân vang đến tận Đấng Tối Cao, Đấng vượt trời, Đấng mà con người không thể gọi tên Ngài. Sự tinh tế của bài ca nằm ở chỗ là một tiếng kêu thất thanh lên tận Đấng siêu việt, vốn được khẳng định rất rõ ràng trong khổ thơ đầu tiên và dường như con người phải được nói lỏng khỏi trần thế để rời bất chợt

được dẫn đến một sự hiệp thông huynh đệ và diệu kỳ với mọi thọ tạo. Tiếng kêu thấu tận tầng trời cao nhất ở đây băng xuyên qua sự hiệp thông này. Đó là điểm đầu tiên mà chúng ta cố gắng đưa ra ánh sáng.

Điểm thứ hai cũng cần được lưu ý. Hiệp thông huynh đệ với các thọ tạo cùng sự tán dương nồng nhiệt, hiệp thông ấy diễn đạt cũng là ngôn ngữ của con người mở ra với tất cả hữu thể của mình. Con người không thể có một tương quan huynh đệ đích thực và mật thiết với các yếu tố trong vũ trụ nếu không hoà quyện chính mình với tất cả những gì mà các yếu tố này biểu trưng, nghĩa là, tìm về những dấu tích từ nội tâm của mình, với tất cả những sức mạnh đen tối bao gồm hữu thể ban đầu của nó.

Trong Bài Ca Mặt Trời, Phanxicô khám phá ý nghĩa chói lọi của thọ tạo nhưng ngài khám phá bằng cách bắt đầu từ một trải nghiệm bên trong vốn là một cuộc khởi nguyên mới, một cuộc sáng tạo mới. “Dường như ngài là một con người mới, một con người của thời đại đang đến”, người viết tiểu sử đầu tiên của ngài nói về ngài như thế.¹ Chính trong việc trở thành con người mới này mà Phanxicô nhận biết ý nghĩa của thọ tạo. Bài ca của ngài không chỉ là sự tri ân đầy xúc động với Tạo Hoá, nhưng còn thực hiện một sự biến đổi bên trong. Ngài ca khen cuộc sáng tạo mới nơi chính tâm hồn con người.

Phanxicô Assisi không viết những luận đề uyên bác, nhưng khi muốn nói cho chúng ta nhận quan của mình về vạn vật, thì người anh em của những người hát rong này bắt đầu hát. Ngài hát về mọi thọ tạo và trong bài hát của mình, ngài cho chúng ta thấu hiểu những chiều kích sâu xa của tâm hồn, trong đó, những

¹ Celano 82, p. 297.

năng lực căn bản của đời sống đã phục hồi tính trong suốt ban đầu cùng sự chói ngời của mặt trời loé sáng.

1

SỰ RA ĐỜI CỦA MỘT BÀI CA

Đêm đến, tiếng của mọi hồ nước sống động đang cất lên; và tâm hồn tôi cũng là một con suối sống động.

Nietzsche

Bài Ca Mặt Trời là một bài ca về ánh sáng, nhưng lại phát ra từ một đêm đen tối tăm nhất.

Phanxicô chưa tròn bốn mươi lăm tuổi, nhưng khá suy nhược. Sự từ bỏ và chay tịnh lâu ngày đã huỷ hoại sức khoẻ của ngài. Ngài có ít hơn hai năm để sống. Trên các đỉnh núi cô tịch của miền Alverna, ngài vừa nhận các dấu Cuộc Thương Khó của Đức Kitô nơi thân xác mình. Ngài đã trở thành người mà ngài không ngừng chiêm ngắm, một ai đó đã bị đâm thấu qua. Trong nỗi đau tột cùng, trên lưng một con lạc đà, ngài xuống núi và lên đường đến Assisi. Nhưng lòng nhiệt thành vốn đang hướng dẫn ngài, thôi thúc ngài loan báo Tin Mừng bất kỳ nơi nào ngài đến.

Không lâu sau khi trở về Portiuncula, Phanxicô nhờ người ta dẫn đến San Damiano, nơi Clara và các chị em đang sống. Vấn đề sức khoẻ đã khiến cuộc viếng thăm này trở thành một cuộc ở lại bất đắc dĩ chừng vài tháng. Kể từ khi trở về từ Trung Đông, Phanxicô phải bệnh chảy nước mắt. Đột nhiên bệnh này trở nên nặng hơn và gây ra một cuộc khủng hoảng trầm trọng. Thực tế, Phanxicô đã bị mù, những cơn đau đầu kinh khủng hành hạ ngài, ngài không thể trở lại Portiuncula được. Chị Clara đặt người bệnh và những bạn đồng hành trong một ngôi nhà nhỏ gần tu viện, và để bảo vệ mắt Phanxicô khỏi ánh sáng chói chang ban ngày, chị làm một góc phòng sâu vào trong bằng thảm rơm.

Hơn năm mươi ngày, Phanxicô sống trong căn phòng chật hẹp tối tăm này vì không thể chịu được dù một tia nắng nhỏ nhất ban ngày hoặc một đốm lửa tí xíu vào ban đêm. Đôi mắt đau đến nỗi ngài không thể nghỉ ngơi hay ngủ được và chuột chạy lon ton quanh phòng, thậm chí trên mình ngài, khiến ngài không nghỉ được một lúc nào cả.

Các mối bận tâm khác lại tiếp nối với những đau đớn thể lý. Phanxicô suy nghĩ về những anh em Chúa gửi đến cho ngài và cho sứ vụ. Ngài chưa bao giờ cảm thấy cùng cực và kiệt sức đến thế. Suốt chuỗi ngày bất động lê thê như thế, ngài vẫn thấy toàn bộ đời sống mở ra trước mặt mình: tất cả những gì Thiên Chúa đã làm cho mình và cách thức ngài cố gắng đáp trả.

Hai mươi lăm năm trước, chính ở nơi đây, trong nhà thờ San Damiano vốn không hơn không kém một nhà nguyện nhỏ bằng đá, hoang tàn, Phanxicô đã nghe tiếng gọi của Đức Kitô, “Hãy đi và sửa lại nhà ta, như con thấy đây, nó đang sụp đổ”. Trong sự đơn sơ và cảm thức bẩm sinh về những điều đặc biệt và tầm thường, ngài đã trở thành một anh thợ nề ngay lập tức. Với đôi tay mình, ngài khôi phục không chỉ San Damiano mà còn hai nhà thờ nhỏ khác trong vùng quê Assisi.

Cho đến một ngày kia, khi tham dự thánh lễ tại một trong những ngôi nhà nguyện nhỏ vốn được sử dụng lại nhờ sự chăm sóc của ngài, Phanxicô nghe đoạn Tin Mừng liên quan đến việc gửi các môn đệ đi truyền giáo, “Hãy đi..., hãy công bố trên đường rằng, Nước Trời đang đến gần. Đừng mang theo vàng bạc hay bao bì đi đường, đừng mặc hai áo, đừng mang giày, hay gậy gộc”.

Tâm hồn Phanxicô ngập tràn một ánh sáng đích thực. Sửa lại nhà Chúa không phải như ngài nghĩ, là đặt lại viên đá này trên viên đá kia nhưng là trở lại những con đường sứ vụ của Tin Mừng, tái khám phá điều kiện của các môn đệ được Thầy sai đi. “Đây là điều tôi đang tìm kiếm, đây là điều nung nấu tâm hồn tôi những ước muốn hoàn thành tự đáy lòng mình!”, ngài la lên vào lúc đó. Ngay lập tức, ngài rời bỏ sự cô tịch bấy lâu kể từ khi trở lại và lên đường đến với những người khác đúng như Đức

Kitô đã yêu cầu, không của cải, không nguồn cung cấp, không quyền lực. Vàng, đích thực là nó; đó là cách sửa chữa Giáo Hội đang suy sụp.

Rồi Chúa ban cho ngài những người anh em. Cùng với họ, Phanxicô tra tay cố gắng xây dựng một tình huynh đệ thực sự dựa trên Tin Mừng. Tình huynh đệ của những người nghèo, không giữ của cải gì; không quyền lực; không tự vệ; một tình huynh đệ thực sự khác với những tu viện giàu có của thế kỷ đó. Các anh em không may mắn đóng một vai trò nào trong xã hội; họ chỉ muốn giới thiệu “Tin Mừng” cho mọi người. Con số các anh em gia tăng và một hơi thở dịu mát của lòng yêu mến phủ lên thế kỷ của lửa và sắt.

Những người theo Kitô giáo không quay lưng lại với chính sách bạo lực, đặc biệt với Hồi Giáo. Mỗi quan tâm của họ không phải là truyền giáo mà là đạo binh thánh giá. Một đạo binh gay gắt nhân danh một Thiên Chúa thực sự dịu hiền! Vì thế, Phanxicô rời đi Đông Phương, không phải với tư cách là thành viên của đạo binh thánh giá, nhưng với tư cách là một sứ giả của hòa bình, với đôi bàn tay trắng, để công bố với vua Hồi “Sự triu mến đang đến”. Đây không phải là một cách thức sửa chữa Giáo Hội Đức Kitô sao?

Nhưng Phanxicô không cải tâm vua Hồi, cũng không cải tà quy chánh những thành viên của Đạo Binh Thánh Giá, những người đổ xô về thành Damietta để chiến đấu với sự tàn bạo dã man của những con thú. Trở về, Phanxicô suy nhược, đau yếu và hầu như mù loà. Ngoài ra, ngài phải gấp rút trở về vì sự bất đồng đã nổ ra giữa các anh em. Những cha tổng đại diện mà Phanxicô đã giao phó việc cai quản nhà dòng của ngài khi ngài vắng mặt đã tự cho mình quyền hạn thêm thắt những điều khoản mới vào

luật sống của các anh em. Những điều khoản này vốn có ý làm cho đời sống anh em hoà hợp theo tinh thần tu viện truyền thống nhưng lại gây rối ren cho tinh thần của những con người vẫn rất gắn bó với lý tưởng ban sơ của Phanxicô. Tuy nhiên, con số các anh em lại gia tăng đáng kể. Người ta cảm thấy cần có một tổ chức nào đó. Có nhiều giáo sĩ trong số những người mới đến, những người có trình độ học vấn cao. Không phải mọi người đều sẽ chia tính đơn sơ của các thầy Phanxicô đầu tiên, thậm chí một ước muốn nào đó về ưu tiên và quyền hạn cũng nảy sinh nơi một số anh em một sự phủ nhận thẳng thừng điều mà Phanxicô nhắm đến. Trong một hoàn cảnh như thế, mọi thứ có thể trở thành vấn đề từ ngày này sang ngày khác.

Trong bóng tối của gian phòng, Phanxicô nghĩ đến những sự kiện này bao ngày đêm. Một lần nữa, ngang qua những tầm với của ký ức, ngài lại nghe tiếng Chúa, “Phanxicô, hãy đi sửa nhà ta, nó đang sụp đổ”. Đối diện với tiếng gọi này, mọi thứ ngài đảm nhận cho đến bây giờ dường như quá nhỏ bé, như một trò đùa hay thậm chí như một ngõ cụt. Bây giờ, Phanxicô tự hỏi, Thiên Chúa muốn gì ở mình. Tâm sự với những người bạn, ngài thổ lộ, “Cho đến bây giờ, chúng ta chưa làm gì cả. Chúng ta hãy bắt đầu làm một điều gì đó”.

“Làm một điều gì đó!”, nhưng điều gì? Không phải là vấn đề băng qua đồi núi và thung lũng để công bố “Tin Mừng” nữa. Tê liệt, mắt đau liên li, cơ thể suy sụp, buộc ngài phải bất động và lặng thinh. Rồi theo dòng thời gian, Phanxicô dường như càng bị nuốt chửng trong bóng đêm. Đây có phải là sửa nhà Thiên Chúa chăng?

Chị Clara trông nom tu viện kế bên. Chị theo con đường của Phanxicô từ ban đầu và vui vẻ coi mình như “một cành cây bé

nhỏ”. Chị biết nhiều điều. Chị biết, sau hành trình dài đi đến cuối đêm đen, ánh sáng sẽ trở lại với linh hồn Phanxicô. Rồi ngài sẽ nói đến những điều thực sự quan trọng. Vai trò của ngài giờ đây là cầu nguyện và thỉnh lặng đợi chờ.

Rồi một đêm kia, khi phải thức trắng và đau đớn, Phanxicô sức cùng lực kiệt mấp mé bên bờ thất vọng, ngài xin Thiên Chúa xót thương. Lập tức, một tiếng nói phát ra từ bên trong, “Phanxicô, hãy vui lên như thể con đã ở trong vương quốc của Ta”; đồng thời, một ánh sáng dịu nhẹ dội vào tâm hồn, ánh sáng của vương quốc đến gần ngài. Ánh sáng này làm cho ngài thấy mọi sự trở nên mới mẻ. Nó tựa hồ ánh sáng phục sinh. Vào khoảnh khắc đó, toàn thể vũ trụ như được vinh quang Thiên Chúa chạm đến. Nước Trời đã bắt đầu, ở đây và lúc này trong sự huy hoàng tinh tuyền.

Đây không phải là lúc co cụm trong chính mình để than van, để nhìn lại hay để ước mơ. Đây là lúc tán dương và hát ca. “Hãy vui lên!”, đây là điều Chúa muốn ở ngài bây giờ. Vui lên với mọi thọ tạo. “Việc của con là hân hoan, vui mừng với vạn vật”.² Không có gì quan trọng hơn cho tương lai của Giáo Hội và thế gian. Đây cũng là tu sửa nhà Thiên Chúa.

Và như thế, một triều sóng ca khen mênh mông trào dâng trong tâm hồn Phanxicô, mở toang trong ngài những kho dự trữ lòng nhiệt thành và cái nhìn kỳ diệu của một đứa trẻ. Lời tán dương này hướng đến ánh huy hoàng của mặt trời, vẻ tráng lệ của những vì sao, đôi cánh của gió, những thì thầm của nước, cái dữ dội của lửa và lòng khiêm tốn của trái đất. Một vàng dương lớn đang mọc lên trong tâm hồn Phanxicô. Ngày ló dạng trên Assisi. Đó là một buổi sáng ngập tràn ánh sáng diệu vợi, Phanxicô gọi

² Paul Claudel, *Oeuvre poetique*, Paris: La Pleiade, 1957.

những người bạn của mình, ngài đang toả rạng. Ngài ngồi dậy, tập trung một lúc và bắt đầu hát:

*Lạy Đấng Tối Cao, Toàn Năng và Tốt Lành,
mọi chúc tụng, ca khen, vinh quang và danh dự,
đều quy về Ngài;
chỉ thuộc về Ngài, lạy Đấng Tối Cao,
và không ai xứng đáng kêu tên Ngài.*

*Mọi thọ tạo phải tán dương Ngài, lạy Chúa,
đặc biệt là Anh Mặt Trời quý tộc,
anh mang lại ngày mới và nhờ anh, Ngài chiếu sáng chúng con:
anh đẹp, toả chiếu huy hoàng;
anh là biểu tượng của Ngài, lạy Đấng Tối Cao.*

*Lạy Chúa, Ngài đáng được tán dương
vì Chị Mặt Trăng và các Vì Sao:
Ngài tạo ra họ trên các tầng trời:
sáng láng, quý giá và xinh đẹp.*

*Lạy Chúa, Ngài đáng được tán dương, vì Anh Gió,
không khí và các tầng mây,
vì tầng trời thanh bình và mọi vùng, mọi miền,
nhờ chúng, Ngài mang lại sự sống cho các thọ tạo.*

*Lạy Chúa, Ngài thật đáng tán dương, vì Chị Nước
Chị rất hữu ích và khiêm tốn,
quý giá và trinh khiết.*

*Lạy Chúa, Ngài thật đáng tán dương, vì Anh Lửa,
nhờ anh, Ngài chiếu tỏa đêm đen:
Anh đẹp và vui tươi,
bất khuất và mạnh mẽ.*

*Lạy Chúa, Ngài thật đáng tán dương,
vì Chị Mẹ Trái Đất của chúng con
Ngài nuôi nấng và cứu mang chúng con,
và sản sinh đủ loại trái trắng,
hoa muôn màu và cỏ cây lốm đốm.*

Mang vết thương của Đức Kitô trong thân xác mình, con người này hát khen tình huynh đệ của mặt trời, các ngôi sao, gió, nước, lửa và đất. Chưa bao giờ có cuộc hội ngộ như thế giữa đêm đen của sự thất đoạt và sự huy hoàng của vũ trụ, giữa thánh giá và mặt trời.

Bài ca này sắp đặt tổ chức hôn lễ của trời và đất thật sự là bài ca về một người vừa được vinh quang Thiên Chúa chạm đến. Đó là bài ca của một người được hoà giải và cứu rỗi.

Bài ca này không phải là một ngẫu hứng thuần túy, nhưng Phanxicô đã cứu mang nó trong một thời gian nào đó. Thực ra, ngài đã ngâm nga nó suốt cả cuộc đời. Người ta thấy những biểu hiện của nó trong cái xô bồ của cuộc sống thường ngày của ngài để rồi, cuối cùng nó được cất lên tận cuối hành trình thiêng liêng, ngân vang mãi đến mức độ nên một với toàn bộ đời sống với sự trưởng thành sâu sắc của hữu thể ngài. Sự tuôn trào cuối cùng này là những khoảnh khắc sáng tạo khi hữu thể tập trung mọi sức lực sống động và toàn bộ lịch sử của nó trong một cảm xúc duy nhất, đột nhiên làm nảy sinh một thứ ngôn ngữ mới vốn diễn đạt cách toàn vẹn.

2

BÀI CA DÂNG LÊN ĐẢNG SIÊU VIỆT

*Lạy Đấng Tối Cao, Toàn Năng và Tốt Lành,
mọi chúc tụng, ca khen, vinh quang và danh dự,
đều quy về Ngài;
chỉ thuộc về Ngài, lạy Đấng Tối Cao,
và không ai xứng đáng để kêu tên Ngài.*

Bài ca Anh Mặt Trời bắt đầu với chuỗi ca ngợi. Những lời đầu tiên ngỏ cùng “Đấng Tối Cao”, chấp cánh cho nó bay vút tận thình không. Lặp lại lần thứ hai trong khổ thơ đầu tiên theo một cách thức tuyệt đối, chúng mạnh mẽ chỉ ra mục tiêu duy nhất của lời tán tụng, hình ảnh Đấng Tối Cao diễn đạt tính siêu việt. Những lời này được lặp lại đến bốn lần, xuyên suốt bài ca. Mọi năng lực ca ngợi của thánh nhân được đổ dồn về nó.

Một sự tuôn trào như thế biến đổi cả một khuynh hướng sống. “Vươn tới Ngài, lạy Đấng Tối Cao”, là lời thề mà Phanxicô trình bày ở cuối *Bức Thư gửi một Tu nghị*. Cả cuộc đời, ngài hít thở thực tại siêu việt của Thiên Chúa. Thậm chí trên một độ cao thể lý, hữu thể ngài được nhắc lên bởi sự dịch chuyển theo chiều cao của linh hồn. Không lạ gì một đôi khi, chúng ta thấy ngài leo lên các triền núi để thả mình chiêm ngắm Đấng Tuyệt Đối.

Tiếng kêu đến tầng trời cao nhất, lên đến Đấng Tối Cao diễn tả sự chuyển động của sự siêu việt hoá chính mình. Con người không phải là một hữu thể sống co cụm trong chính mình, giam hãm một lần thay cho tất cả trong những giới hạn đặt ra. “Con người”, Pascal viết, “được tạo dựng cho vô biên”. Con người chỉ thực sự tồn tại trong dịch chuyển vốn hướng nó đến sự cao cả vô biên. Chỉ như thế con người mới hít thở không khí nguồn cội của mình: con người khám phá trong chính mình hình ảnh của Thiên Chúa. Con người một khi khát khao Đấng Tối Cao, thì chính sự siêu việt lại chạm đến nó.

Sự thôi thúc này có thể được sống bằng nhiều cách. Người ta có thể sống bằng cách nỗ lực làm chủ bản thân, như việc tìm lại chiều kích sâu xa nhất của chính mình và không gì hơn. Vì thế sự vô biên con người hướng đến được tìm thấy theo cách thức chiếm hữu của Promêthê, như một món hàng mà chúng ta có

quyền sở hữu. Trở nên Thiên Chúa mà không có Thiên Chúa là giấc mơ cổ thời của con người là cảm dỗ vĩnh viễn từ thuở hồng hoang.

Với Phanxicô, sự thôi thúc hướng đến Đấng Tối Cao được sống theo một cách thức hoàn toàn khác biệt. Điều nêu bật đoạn đầu tiên của bài ca là sự dịch chuyển của sự thất đoạt:

*... mọi chúc tụng, ca khen, vinh quang và danh dự,
đều quy về Ngài;
chỉ thuộc về Ngài, lạy Đấng Tối Cao.*

Sự thôi thúc hướng về Đấng Tối Cao này được thanh tẩy khỏi mọi động cơ chiếm hữu. Suốt đời mình, Phanxicô không ngừng phản ứng chống lại khát khao chiếm hữu vốn ở trong mỗi người và ngấm ngấm làm hồng khát vọng Thiên Chúa nơi con người. Đây là ý nghĩa sâu sắc của sự khó nghèo nơi Phanxicô: chúng ta không nên đòi hỏi điều thiện mình làm, thậm chí không đòi hỏi cả cái khát khao sự thiện bên trong, nhưng cần dâng mọi vinh dự cho Đấng là nguồn cội của mọi sự thiện.³

Vào cuối đời, không gì còn đọng lại trong Phanxicô ngoại trừ một khát khao tinh tuyền, đó là khát khao chính Thiên Chúa. Trong bài ca này, lời ca ngợi Đấng Tối Cao hoà quyện với sự khó nghèo nội tâm tột cùng của ngài. Ở đây không có sự quy hướng về mình, không kiêu căng, không quan tâm đến bản tính của cá nhân. Tự yêu, sự quan tâm, sự hối tiếc, tất cả bị cuốn đi. Không có chỗ cho bất cứ điều gì ngoại trừ sự thờ phượng. Phanxicô nhận ra sự cao cả của Thiên Chúa. Niềm vui của ngài bao la để biết rằng chỉ một mình Thiên Chúa là Thiên Chúa.

³ Praises of the Lord, final prayer Cf. 1 Rule, ch.17, vv. 17-19.

Nhận ra tính siêu việt của Thiên Chúa là một ưu tiên hàng đầu, nó không khuất phục bất cứ một điều gì; trái lại, nó nên trọn vẹn trong một cảm xúc dâng tràn lòng biết ơn. Nhất thiết đó là lòng tri ân. Lý do là vì Đấng Tối Cao không chỉ là Đấng Toàn Năng, nhưng Ngài còn là “Chúa tốt lành”; chính xác hơn, Ngài là toàn bộ quyền năng của điều lành. Đối với Phanxicô cũng như đối với toàn bộ truyền thống thần nghiệm Kitô giáo, sự thờ phượng không đơn thuần là cúi đầu trước một Đấng Toàn Năng cai trị chúng ta; nhưng sự thờ phượng còn nhận ra rằng, Đấng toàn năng này thì vô cùng tốt lành và thánh thiện, rằng, đó là một ý muốn sự thiện tinh tuyền và tối cao. Con người thờ phượng không chỉ nói “Thiên Chúa là” nhưng còn nói “Ngài đáng là Thiên Chúa, đáng là Đấng Toàn Năng”. Trong *Những lời ca ngợi* Phanxicô viết và đọc vào mỗi giờ kinh, ngày cũng như đêm, ngài diễn đạt sự thờ phượng của mình với lời vinh tụng ca mượn từ sách Khải Huyền, “Lạy Chúa là Cha của con, Ngài xứng đáng lãnh nhận vinh dự, ca ngợi và vinh quang, được tán dương chúc tụng”.

Nietzsche viết, “Chúng ta hãy cố lĩnh hội khái niệm về Thiên Chúa, sự thiện tối cao; nó không xứng đáng với một Thiên Chúa. Chúng ta hãy cố hấp thụ ngay cả khái niệm khôn ngoan; tính hư ảo của các triết gia tưởng tượng sự vô lý này, một Thiên Chúa vốn sẽ là quái vật của sự khôn ngoan... Không! Thiên Chúa là quyền năng siêu việt: thế là đủ!”. Nếu thực tế Thiên Chúa không là gì ngoại trừ là Đấng Toàn Năng, thì chắc chắn chúng ta thực sự phải huỷ hoại chính mình trước mặt Ngài, nhưng chúng ta sẽ không thể dâng Ngài sự ưng thuận tự do của con người chúng ta. “Chúng ta hãy giả thiết nghịch lý một lúc”, Romano Guardini viết, “rằng Thiên Chúa, thực tại vô biên và quyền năng vô hạn, chỉ là một quyền lực mù quáng, tàn bạo và không gì khác; trong trường hợp này, tự thâm tâm, tôi không

phải phủ phục trước mặt Ngài. Có thể Ngài sẽ đàn áp cuộc đời tôi; nhưng con người tôi nên từ chối thờ phượng Ngài. Để tôi thờ phượng Ngài, Ngài cần không chỉ toàn năng, nhưng còn đáng được như vậy”.

Đối với Phanxicô Assisi, không có sự do dự nào hơn: Thiên Chúa thực sự đáng là Thiên Chúa. Toàn hữu thể ngài cảm nhận một sự bình thản lớn lao với ý nghĩ duy nhất này. Sự siêu việt mà Phanxicô chiêm ngắm thực sự không phải là một thực tại xa lạ đóng khung trong chính mình. Nó tự biểu lộ cho chúng ta trong mầu nhiệm Nhập Thể, trong nhân tính của Con Thiên Chúa. Sự siêu việt của Thiên Chúa không phải được tìm kiếm ở nơi nào khác; nó không thể bị tách khỏi mầu nhiệm khiêm hạ và yêu thương này. Đó là lý do tại sao Thiên Chúa thực sự xứng đáng là Thiên Chúa, “Con chiên bị sát tế xứng đáng”, Phanxicô viết, “sức mạnh và thiên tính, khôn ngoan, quyền lực, danh dự và vinh quang, và đáng được ca khen chúc tụng”.⁴

Sự thờ phượng của Phanxicô không giữ lại điều gì. Nó là một điều kỳ diệu trường cửu. Trong sự khiêm tốn của Con Thiên Chúa, Phanxicô khám phá sự huy hoàng ẩn giấu của Đấng Tối Cao, sự huy hoàng của tình yêu đến với chúng ta, thấp nhập chúng ta ở tận cùng nỗi đau của mỗi người dù chúng ta không có công trạng gì. Cái nhìn “đầy phân vân” về Thiên Chúa giải thoát Phanxicô khỏi chính mình và giao ngài cho sự tán dương.

Nhưng Phanxicô ý thức về những giới hạn trong lời tán dương của mình. Đoạn đầu tiên của bài ca kết thúc bằng câu, “và không ai đáng kêu tên Ngài”. Thiên Chúa không chỉ là Đấng mọi lời ca khen hướng đến, nhưng trên hết, Ngài là sự tán dương. Thậm chí trong ánh sáng mặc khải, con người không thể

⁴ The Praises before the Office.

nghĩ ra ý gì xứng đáng với Ngài. Thiên Chúa luôn Nhiệm Mầu. Dù luôn ở với chúng ta, Ngài vẫn luôn vượt xa chúng ta. Ngài luôn vượt quá mọi ý tưởng mà chúng ta nói về Ngài cho chính mình.

Ý tưởng được diễn đạt trong câu cuối cùng này rõ ràng đã nằm trong Luật Đầu Tiên rồi, “Tất cả chúng ta, bản cùng và tội lỗi, chúng ta không đáng kêu tên ngài”.⁵ Ở đây, hãy hiểu theo nghĩa Thánh Kinh cho việc xưng danh, vì trong Thánh Kinh, tên diễn tả một ngôi vị hay một điều gì đó trong tiếng gọi sâu sắc của nó. Vì thế, việc gọi tên có nghĩa là nắm lấy hữu thể, chiếm lấy hữu thể bởi tinh thần. Vì thế, trong sách Sáng Thế, sau khi được Thiên Chúa tác thành, con người được mời gọi đặt tên cho mọi động vật và khẳng định trong chính hành động đó sự làm chủ của con người.⁶ Nhưng khi Jacob hỏi tên của đối phương vô danh, người mà ông đã vật lộn suốt đêm, thì ông nghe người đó nói, “Tại sao người hỏi tên ta?”.⁷ Và rồi, Jacob được đối phương thừa nhận là “mạnh hơn Thiên Chúa”. Nhưng Thiên Chúa, Đấng để chính mình bị khuất phục, vẫn là Thiên Chúa. Ngài ganh tỵ giữ kín mầu nhiệm của mình, chỉ vì Ngài là Thiên Chúa, bởi vì Ngài Duy Nhất. Chung quanh Thiên Chúa, có một vinh quang không dò thấu được.

“Đáng Tối Cao”, Eliade viết, “là một chiều kích con người không thể đạt tới”. Đây là điều Phanxicô nhận ra. Thiên Chúa mà ngài đề xuất ca ngợi trong Bài Ca Thọ Tạo không phải là linh hồn thế giới, cũng không phải là chiều sâu tận cùng của con người. Chính Thiên Chúa được nâng cao vượt trên tất cả, tức là, ngay cả trên tất cả những gì có thể được nghĩ đến. Đó là một

⁵ 1 Rule, ch. 23.

⁶ Kn 2, 19-20.

⁷ Kn 32, 30.

Thiên Chúa mà sự đề cao Ngài không thể diễn đạt bởi các thợ tạo.

Chúng ta không thể lướt qua câu cuối cùng của đoạn thơ đầu tiên này; như thế sẽ rất hời hợt. Đó cũng sẽ là sự hiểu lầm chiều kích thực sự vũ trụ tôn giáo của Phanxicô Assisi. Chúng ta sẽ không bao giờ có thể diễn đạt vũ trụ này vươn lên Đấng Siêu việt ở mức nào. Những lời kinh khác nhau mà *Poverello* để lại cho chúng ta là một sự tán dương, như đoạn thơ đầu tiên này, về sự siêu việt của Thiên Chúa. Sự tán dương này là phần truyền thống tinh tuyền nhất của những nhà thần nghiệm vĩ đại. Ở đây, chúng ta cần dừng lại bài ca của Gregory of Nazienzen:

*Ôi Đấng vượt xa tất cả,
làm sao chúng con có thể gọi Ngài bằng một danh xưng khác...
Ngài là Đấng duy nhất chúng con không thể gọi tên.*

Ở cuối đoạn thơ đầu tiên của Bài Ca Anh Mặt Trời chúng ta không khỏi ngạc nhiên thấy bài hát của Phanxicô chìm trong thinh lặng. Cái nhìn của thánh nhân dường như thoát ra khỏi trần thế để đánh mất chính mình hoàn toàn khi hướng về Đấng Tối Cao.

3

TÌNH BẰNG HỮU VŨ TRỤ

Bài Ca Thọ Tào trên hết là một sự tôn trào lời tán dương dâng về Đấng Tối Cao. Nhưng với cái nhìn đầu tiên, sự thôi thúc này xem ra nhắc cao nhiều điều rời xa mặt đất; cách đặc biệt, ở đây, chúng ta thấy một sự hiệp thông huynh đệ giữa các thọ tạo: “Lạy Thiên Chúa của con, mọi thọ tạo tán dương Ngài”. Đây là sự tinh tế của bài ca. Để tán dương Thiên Chúa, Phanxicô không cảm thấy cần làm giảm giá trị những thọ tạo của mình. Không phải qua việc rêu rao tính tầm thường của sự vật và tìm cách tránh né chúng để rời ngài đến với Thiên Chúa. Đúng ra là điều ngược lại: Ngài dẫn chính mình đến với Đấng Tối Cao bằng cách hiệp thông chính mình với mọi thọ tạo ở mức độ sâu sắc nhất bằng cách suy tư về vạn vật. Lời tán dương Đấng Tối Cao của ngài cũng là lời tán dương của mọi thọ tạo. Tính cách mới mẻ trong thông điệp của Phanxicô Assisi “là sự khẳng định cao nhất vốn được hình thành từ giá trị của con người và cuộc sống như thể chúng ta đã lãnh nhận tất cả từ chính tay Thiên Chúa”, Louis Lavelle viết.

Tính độc đáo này càng nổi trội hơn khi chúng ta nhận ra rằng, một dòng chảy linh đạo mạnh mẽ hướng những con người nhiệt huyết nhất vào thời đó theo một chiều hướng hoàn toàn ngược lại. Chúng ta biết hậu quả của học thuyết Catharist trong Kitô giáo thời Trung Cổ. Nhân danh một đức tin tinh tuyền, học thuyết này đặt Thiên Chúa và thọ tạo vật chất vào thế đối lập. Thế giới vật chất bị xem là vương quốc của tâm hồn tội lỗi: một lãnh địa của bóng đêm vốn phải bị bỏ lại đằng sau để bước vào ánh sáng của thân khí Thiên Chúa. Phanxicô Assisi tuân theo một sự linh ứng hoàn toàn khác biệt. Ở chính trọng tâm của những thực tại vật chất, ngài khám phá con đường ánh sáng dẫn đến Đấng Tối Cao.

Khi làm vậy, Phanxicô đặt mình vào truyền thống Thánh Kinh, truyền thống của Thánh Vịnh và các ngôn sứ, những người tán dương Thiên Chúa trong các tác phẩm của mình. “Cũng như trước đây”, Thomas Celano viết, “ba chàng trai trẻ trong lò lửa mời mọi yếu tố ca tụng và tán dương Đấng Tạo Thành của vũ trụ; cũng thế, Phanxicô, đầy thần khí Thiên Chúa, không ngừng chúc tụng, khong khen và ca ngợi Tạo Hoá và Chủ muôn loài vì các yếu tố và mọi thọ sinh”.⁸

Với Phanxicô, bài ca của ngài mang một giọng điệu thực sự mới mẻ và riêng tư cùng với sự linh hứng có tính Thánh Kinh. Ngài hài lòng không chỉ với việc ca khen Thiên Chúa vì thọ tạo của Ngài, nhưng còn trở nên anh em với chúng. Đây là điểm mới mẻ. Điều nổi trội nhất trong toàn bộ bài ca của ngài thực sự là mỗi yếu tố vũ trụ được gọi là anh là chị. Phanxicô không hiểu rõ thế nào là mặt trời, là gió, là nước, lửa, v.v.. nhưng ngài gọi “Anh Mặt trời”, “Anh Gió”, “Chị Nước”, “Anh lửa”. Đối với ngài, đây không phải là một lối nói phóng dụ đơn giản. Trong cuộc sống thường nhật, Phanxicô thực sự cảm nhận một tình huynh đệ với các thụ tạo vật chất nhất. Ở đây, một loại hình nhạy cảm mới mẻ thấy được ánh sáng ban ngày.

Tình huynh đệ vũ trụ đã bén rễ sâu trong Phanxicô. Trước tiên, nó liên kết niềm tin rất sống động của ngài vào vai trò làm cha vũ trụ của Thiên Chúa. Ngài “đã leo lên đến tận Nguồn Cội đầu tiên của mọi sự”, thánh Bonaventure viết, “Phanxicô cảm nhận một tình bạn tuôn trào đối với chúng, và thậm chí gọi những thọ tạo thấp bé nhất là “anh” là “chị” vì ngài biết rằng, ngài và chúng đều phát xuất từ một nguyên lý, một cội nguồn duy nhất”.⁹ Cái nhìn thần học - và có thể nói - siêu hình này ở chính

⁸ Celano 80, p. 296.

⁹ Legenda Major, ch. 8, p. 692.

trọng tâm của tình bằng hữu vũ trụ của Phanxicô. Yves Congar phát biểu chí lý rằng, “Chính theo nghĩa thần học mạnh nhất của từ ngữ, không chỉ trong chức năng của một bài thơ vui tươi, mà Phanxicô nói về chim chóc, lửa, mặt trời... về chính cái chết như anh chị em của mình”.

Tuy nhiên, trực giác sâu sắc này của ngài không bị giảm thiểu thành một nhãn quan thuần túy tri thức. Thực ra, trước tiên nó không phải như thế. Sự nhiệt thành và thể thơ trữ tình sáng tạo khó có thể tuôn trào từ một ý tưởng thuần túy. Tình huynh đệ vũ trụ của Phanxicô không thể tách khỏi một kinh nghiệm cảm thông và sự tham gia đầy cảm xúc với mọi thọ tạo sống động và hiện hữu. Trước tiên ở mức độ này mà nó được cảm nhận. Như một quà tặng đặc biệt mà riêng ngài nhận được, Phanxicô được ơn cảm thông. Thomas Celano và Thánh Bonaventure nhận ra điều này, “Những cảm xúc hoàn toàn tự nhiên của tâm hồn đủ để làm cho Phanxicô trở nên huynh đệ với mọi thọ tạo”.¹⁰ Nhận xét này thật quan trọng. Ai không có những tâm tình đầy cảm xúc trong tương quan giữa con người, với sự vật và thọ tạo thì những tuyên bố đẹp nhất của họ về tình bằng hữu sẽ lạc điệu khi rung lên.

Tuy nhiên, sẽ sai lầm khi giảm thiểu kinh nghiệm cảm xúc này là một cảm xúc thuần túy. Điều chúng ta có ở đây thật sự sâu sắc và mênh mông hơn nhiều. Cảm xúc lay động toàn hữu thể của Phanxicô trước sự hiện diện của thọ tạo nhỏ bé nhất chính là sự nhận thức giá trị. Phanxicô trực tiếp và đánh giá cao giá trị của mọi vật sống và mọi hữu thể như những biểu hiện của tình yêu sáng tạo. Chính ở chiều kích này mà làn sóng dao động giữa ngài và các thọ tạo được thiết lập. Trong sự cảm thông dành cho thọ tạo, ngài rung một nhịp với chúng và mở lòng mình ra để

¹⁰ 2 Celano 172, p. 500; Legenda Major, ch. 9, p. 700.

đón lấy hơi thở sự sống và hữu thể ban sơ. Từ đó phát xuất lòng tôn trọng và kính cẩn trước mọi điều hiện hữu. Cũng từ đây, khơi lên cái nhìn thâm thấu vốn cho phép ngài khám phá sức sống tươi mới ở chính trung tâm của mọi hữu thể. Thomas Celano viết, “Ngài gọi mọi thọ tạo là anh là chị; và theo một cách thức khác thường mà người khác không biết. Nhờ vào sự nhạy bén của tâm hồn, ngài biết cách thâm thấu vào trong sự mật thiết sâu xa nhất của mỗi thọ tạo”.¹¹

Những gì Bergson nói về một tình yêu huyền nhiệm được xác minh đầy đủ ở đây, “Nó không theo cảm giác hay lý lẽ. Nó rõ ràng là cái này hay cái kia, và thực tế nhiều hơn thế. Vì như mọi cảm nhận khác, chính một tình yêu như thế thì ở tận gốc của cảm giác và lý trí. Trùng hợp với tình yêu Thiên Chúa dành cho thọ tạo của mình, một tình yêu làm nên mọi sự, nó mang cho Ngài bí mật của thọ tạo đó. Nó mang tính siêu hình nhiều hơn là luân lý... Hướng của nó là hướng của một đà sống; chính đà sống này, liên kết khấn khít với một số người được ưu tiên”. Chính trong sự cảm thông với đà sáng tạo này mà Phanxicô trở nên anh em thân thiết với mọi thọ tạo.

Ngày nay, dường như sự hiện diện bằng hữu với thế giới có nguy cơ khó thực hiện. Nhiều người sẽ xem nó như một giấc mơ kỳ lạ. Thái độ của chúng ta trước những thực tại thiên nhiên, thực ra, được đánh dấu bởi sự tuân thủ của mỗi người trước một cảm hứng hoàn toàn khác biệt. Nền văn minh công nghiệp được xây dựng hoàn toàn trên ý tưởng rằng con người là “chủ và là người sở hữu thiên nhiên”; nó dựa trên ý muốn cai trị thiên nhiên. Con người không ngừng gia tăng quyền hạn của mình trên thiên nhiên bằng cách phát minh những phương tiện hành xử ngày càng hoàn hảo và hiệu quả hơn. Đối mặt với một quyền

¹¹ 1 Celano 81, p. 297.

lực như vậy, thiên nhiên không là gì ngoại trừ một đồng vật thể phải được thống trị và khai thác, hoặc một kho dự trữ năng lượng phải được xâm chiếm và rút ra hết, con người trong thời đại công nghiệp đã tách mình khỏi thiên nhiên, đã cố ý đặt mình trên thiên nhiên. Giữa con người và thiên nhiên, giờ đây, đã có một nền công nghệ cao vốn không dành chỗ cho bất cứ một sự thông hiệp nào vì chỉ dành cho ý muốn thống trị mà thôi. Được củng cố bởi quyền lực của mình, con người bắt thiên nhiên trong mọi lĩnh vực phải thuần phục một cách đối xử gây sốc thực sự để buộc nó phải sản xuất tối đa.

Nhưng hôm nay, chúng ta khám phá những giới hạn của một thái độ như vậy. Các nhà sinh thái trên toàn thế giới băn khoăn tự hỏi con người sẽ như thế nào nếu nó tiếp tục lao mình xâm chiếm và cướp phá thiên nhiên, con người đang huỷ hoại môi trường tự nhiên của mình. Nước và không khí ngày càng trở nên ô nhiễm, đất hoang phế, các loài cây và động vật đang trên đà tuyệt chủng, một sự cân bằng toàn thể đang bị đảo lộn. Trái lại, ngay khi thiên nhiên bị xem chỉ như một công cụ sản sinh năng lượng, thì nó trở nên một vật cầm cố trong cuộc chiến giữa những con người đi tìm năng lượng. Bằng cách đó, các mối tương quan giữa con người bị xuyên tạc và đảo lộn sâu sắc, vì tất cả chỉ nhằm đến chiếm hữu và quyền lực. Từ chối tình bằng hữu với thiên nhiên thì chắc chắn làm cho mình không thể trở nên anh em với người khác.

Chính vì lý do này mà một thái độ như thái độ của Phanxicô đối với những thực tại của thiên nhiên không thể bị xem nhẹ. Có lẽ giờ đây, hơn bao giờ hết, chúng ta phải tái khám phá tinh thần của tình huynh đệ vũ trụ này.

Nhưng trước hết, hãy tẩy sạch bầu khí hiểu lầm. Trở nên huynh đệ với những thọ tạo nhỏ bé hơn thì không tránh khỏi từ bỏ việc sử dụng chúng hay từ bỏ việc đặt chúng phục vụ những nhu cầu của chúng ta. Phanxicô nhận ra công dụng của sự vật: chúng là anh em trong chính công dụng của chúng. Anh Mặt Trời cho chúng ta ánh sáng, “anh mang lại ngày”. Anh Gió, bằng hơi thở mạnh mẽ của mình, tiếp sức cho mọi sinh vật sống. Chị Nước rõ ràng được ca ngợi là “hữu ích”. Anh Lửa chiếu sáng đêm tối của chúng ta. Chị Mẹ Trái đất của chúng ta dưỡng nuôi chúng ta bằng cách sản sinh ra đủ loại trái trứng. Vì thế, không có chỗ cho việc đổi nghịch tình bằng hữu thọ tạo với việc sử dụng chúng của con người. Quyền lực mà con người đạt được trên thiên nhiên nhờ vào tiến bộ khoa học và công nghệ, thậm chí có thể làm cho các yếu tố vũ trụ thân thiết với nhau hơn bằng cách giải thoát chúng khỏi tất cả những gì là mù quáng và huỷ hoại.

Vậy theo nghĩa tích cực, tình bằng hữu với mọi thọ tạo có ý nghĩa gì? Nó là một điều gì đó liên quan đến toàn thể nhân loại, và nó không dễ dàng. Nó giả định trước tiên một sự biến đổi thật sự trong nhãn quan và tâm hồn con người.

Cám dỗ của mọi quyền lực là bạo lực. Con người xâm phạm thiên nhiên khi chìm ngập trong sức mạnh của quyền lực trên thiên nhiên, con người bắt nó tuân theo ham muốn trực lợi của mình. Con người xâm phạm nó thậm chí nghiêm trọng hơn khi con người dùng cùng quyền lực này để buông lỏng ý muốn quyền lực chống lại thiên nhiên. Và điều đó có thể bị đẩy rất xa. Say men chinh phục, con người ngày nay muốn chiếm chỗ của Đấng Toàn Năng, sở hữu quyền năng sáng tạo cho chính mình, tái tạo thế giới theo cách thức của riêng mình và cuối cùng trở nên chủ sự sống và thọ tạo của mình. Giác mơ của Prômêthêô thì cốt tại việc xâm chiếm thế giới, ý muốn quyền lực gia tăng

để trở thành một ý muốn tự sáng tạo. Dự án này không được theo đuổi mà không có sự thù hằn hay bạo lực chống lại mọi thứ vốn nối kết con người với thiên nhiên, chống lại mọi thứ vốn biến chúng ta thành những hữu thể phụ thuộc được nối kết với một thực tại và một lịch sử vượt xa chúng ta.

Dự án này căn bản là một cuộc nổi dậy chống lại điều kiện thọ tạo của chúng ta và vì thế, chống lại sự siêu việt của Thiên Chúa. Sự khước từ cội rễ của chúng ta luôn là sự xem thường tính siêu việt.

Con người một khi thân thiện với thiên nhiên, sẽ từ bỏ cuộc nổi loạn này. Con người nhận ra chính mình như một thọ tạo và tái gia nhập vào một gia đình lớn hơn của thọ tạo. Chào đón những yếu tố huynh đệ hèn mọn nhất như anh và chị là thừa nhận những ràng buộc gia đình trực tiếp tồn tại giữa chúng và chính mình, những ràng buộc dẫn con người và tạo vật trở về lại một nguồn cội siêu việt và phổ quát.

Trước Đấng Tối Cao, Đấng mà “không ai đáng gọi tên”, Phanxicô đặt mình giữa các thọ tạo với “lòng khiêm tốn lớn lao”. Khi làm thế, Ngài nhận ra rằng, chỉ Thiên Chúa là Thiên Chúa và đáng được như vậy. Hiệp thông huynh đệ với các thọ tạo là một phân hướng đến sự thờ phượng của ngài.

Khi hành động như vậy, Phanxicô thực sự được sinh ra cho thế giới và cho chính mình. Không gì có thể ngăn cản những trực giác về sự cảm thông và lòng nhân hậu của ngài phát triển đầy đủ. Không mặc cảm tự tôn nào có thể ngăn cản chúng. Không gì còn lại nơi một con người, về mặt này thì khép mình trong sự thù hằn, hay mặt kia thì xa lạ và căm phẫn. Chỉ có công trình của Thiên Chúa là duy nhất cách sâu sắc. Phanxicô khám phá

chính mình ở chính trọng tâm của sự hiệp nhất thọ tạo. Làn sóng cảm thông vốn nối kết ngài với những hữu thể khác tháp nhập ngài vào trong chính tình yêu sáng tạo. “Trong mỗi thọ sinh, cũng như trong rất nhiều dòng suối nhỏ”, thánh Bonaventure viết, “với lòng trắc ẩn đặc biệt, ngài cảm nhận cái duy nhất phát xuất từ sự tốt lành của Thiên Chúa”.¹² Ngài không chỉ nhận ra sự tốt lành tinh tế này mà còn tham gia vào đó nữa. Từ con người thân thiện này, người bạn của mọi thọ tạo, toả chiếu một sức mạnh và một hơi ấm vốn đi vào trong sự vật, làm cho chúng phong phú hơn, sáng lạn hơn và vui vẻ hơn. “Không nghi ngờ gì nữa, chưa bao giờ có ai hiến dâng trọn vẹn hơn khi hiến dâng sự hiện diện và toàn bộ bản ngã của mình như là quà tặng, một quà tặng mà họ ý thức là chính Thiên Chúa đã làm từ chính bản thân mình ở mọi khoảnh khắc và cho mọi cá nhân”.¹³

Dưới ánh sáng đời sống như đời sống của Phanxicô Assisi, rõ ràng, không phải bằng cách xâm phạm và bắt thiên nhiên làm nô lệ thì con người mới có thể tăng cường giá trị sống của mình; trái lại, bằng cách hợp tác với công việc sáng tạo, trong đó, mọi sinh vật sống cùng tham gia. Say men quyền lực mới, con người của xã hội công nghiệp đã cư xử như một ông vua chuyên chế đối với thiên nhiên. Bây giờ trong một thời gian dài con người đã tưởng tượng mình là Prômêthêô. Có lẽ bây giờ con người bắt đầu nhận ra rằng, sức mạnh đích thực của mình cốt tại việc xem mình như là một thọ tạo có trách nhiệm. Trách nhiệm và thân thiện.

Tình huynh đệ vũ trụ nhất thiết phải đi qua sự khiêm tốn để nhận ra thân phận thọ tạo của mình. Tình huynh đệ này sẽ không làm được gì nếu không có một sự từ bỏ tận căn mà Bài

¹² Legenda Major, ch. 9, p. 698.

¹³ Louis Lavalley, *Quatre Saints*, Paris, 1951, p. 88.

Ca Thọ Tạo ngân đi vang lại bằng cách ca khen những yếu tố hèn mọn nhất như anh chị em, bao gồm “Mẹ Trái đất của chúng ta”.

Bằng bảo vệ trái đất, với tất cả những gì sống động trong đó, Phanxicô đã hướng mình lên Đấng Tối Cao. Bài ca của ngài, trong sự chiếu rọi của trời xanh sáng rực, giữ lại sắc thái đường nét đầu tiên của nó.

4

ĐIỀU KỶ DIỆU

Trở nên bằng hữu với thọ tạo có nghĩa là sẵn sàng đặt mình ngang hàng với chúng và tái khám phá những tương quan với chúng. Điều này không thể thực hiện đơn thuần với sức mạnh ý chí. Chỉ khi nào ngạc nhiên trước những điều kỳ diệu, lúc đó con người mới có thể thoát ra khỏi sự cô lập huy hoàng của mình. Chính việc ngân nga thơ ca giải thoát con người khỏi tính tự mãn và đặt nó lại trong cuộc đời.

Phanxicô Assisi là con người của điều kỳ diệu. Ngài sở hữu một khả năng kinh ngạc khác thường. Đối với ngài, sự vật không đơn thuần là một cái có để ca tụng Chúa. Ngài thấy chúng đẹp, rất đẹp. Vẻ đẹp này cuốn hút ngài. Tính từ “đẹp” xuất hiện ba lần trong bài ca. Đáng chú ý, mỗi lần nó được quy về một yếu tố: mặt trời, các ngôi sao và lửa. Ánh sáng có khả năng chiếu toả một sự hứng khởi trong tâm hồn ngài. Thomas Celano viết, “Chiêm ngắm mặt trời, mặt trăng, bầu trời và tất cả các ngôi sao, Phanxicô cảm nhận một niềm vui không thể tàn lụi trào dâng trong tâm hồn mình”.¹⁴ Nhưng sự kỳ thú của ngài vươn đến mọi thọ tạo, “Toàn bộ linh hồn của ngài rộng mở biết bao khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của sự vật. Phanxicô không còn thuộc về chính mình nữa. Ở giữa các thọ tạo là một sự huy hoàng đích thực đối với ngài”. “Chúng tôi, những người sống với ngài”, những người bạn đầu tiên của ngài viết, “đã thấy ngài mừng rỡ bên trong và bên ngoài trước mọi thọ tạo, đến nỗi khi chạm chúng hoặc thấy chúng, tinh thần ngài dường như không ở trên đất, nhưng trên trời”.

Chúng tôi muốn phân tích khả năng kỳ diệu của Phanxicô và xem nó trở thành một phần kinh nghiệm tu trì của ngài về thế giới thế này.

¹⁴ 1 Celano 80, p. 296.

Chúng tôi đã chỉ ra những món quà tự nhiên của sự cảm thông và nhân hậu ở tận gốc rễ của tình yêu huynh đệ mà Phanxicô dành cho thọ tạo. Tương tự, trên nền tảng của khả năng kỳ thú của mình là sự nhạy bén của người nghệ sĩ và nhà thơ. Từ thời thanh niên, Phanxicô đã nhạy bén trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Đáng chú ý là lần đầu tiên khi đi ra ngoài, tiếp đến là ngã bệnh trên đường trở về từ việc bị bắt ở Perugia, ngài đi ra ngoài để chiêm ngắm vùng quê xung quanh: ngài muốn tìm lại sự say mê ánh sáng, màu sắc và đường nét. Tuy nhiên, lần này, Phanxicô không tìm thấy sự cuốn hút nào. Dầu vậy, sự thất vọng của ngài vẫn chấp nhận một tình bằng hữu đã được thiết lập.

Sự nhạy bén trước vẻ đẹp của thế giới đã đào sâu và lớn lên nhờ kinh nghiệm, nhưng nó luôn phô bày một tính cách vốn hiện diện từ sự khơi dậy đầu tiên của nó: một sự bộc trực thực sự trước các sự vật. Cái nhìn kỳ thú của Phanxicô là một cái nhìn ngây thơ. Ngài bỏ qua những gì là thần thoại mà người xưa dùng để giải thích những yếu tố thiên nhiên, ngài cũng bỏ qua những phúng dụ uyên bác của các giáo sĩ. Cái nhìn của ngài hướng đến chính sự vật, trong thực tại tức thời và có thể chạm đến của nó. Những vì sao và bông hoa mà Phanxicô chiêm ngắm là sao và hoa thật. Sao và hoa được lột bỏ chiếc áo thần thoại và khôi phục sự chân thật tự nhiên và tươi mát ban đầu của chúng. Sao và hoa đáng được chiêm ngắm vì chúng. Vì như vậy, thế giới sẽ có thể phục hồi những giá trị trong chính nó.

Ngoài ra, tất cả những điều mà Phanxicô ca ngợi thì ngài biết theo một cách thức rất trực tiếp và thực tế. Chúng là bạn đồng hành không trau chuốt của đời ngài như một người nghèo. Từ đó, Phanxicô bắt đầu tu sửa những ngôi nhà thờ nhỏ trong vùng quê Assisi sau khi ngài cải tâm, ngài sống thanh bần với đá, nước, mặt trời và gió. Khi ngài đi trên các con đường ở Ý trong

mọi thời tiết hay khi tĩnh tâm trên núi để sống trong khổ hạnh buồn tẻ, ngài tiếp xúc vĩnh viễn với thực tại không được chế ngự của sự vật. Chính thực tại thực sự đơn giản và không trau chuốt này đã quăng ngài vào sự kỳ thú. Trong *Fioretti* có một chuyện minh họa trọn hảo điều này. Anh Phanxicô và Maseo đi khất thực trong một ngôi làng. Sau đó, họ tìm một nơi thanh vắng để ăn, nơi có con suối đẹp và kế nó là một tảng đá to duyên dáng có hình cái bàn. Họ đặt những mẩu bánh của mình trên tảng đá. Rồi Phanxicô, nhìn vào con suối, cái bàn bằng đá, bánh, và hô lên, “Hỡi anh Maseo, chúng ta không đáng nhận một kho báu như thế này!”. Sau khi nghe Phanxicô lặp lại lời này vài lần, thầy Maseo không thể cầm mình, “Thưa Cha, tại sao cha nói về kho báu ở một nơi khó khăn và thiếu thốn như thế này? Không khăn, không dao, thớt, bát, nhà, bàn...”. Phanxicô trả lời: “Đó đúng là điều mà tôi thấy như một kho báu lớn - không có điều gì ở đây được chuẩn bị bởi lao công con người. Mọi thứ là quà tặng của Thiên Chúa: bánh ăn xin được, bàn đá đẹp và nước suối trong”.¹⁵

Vẻ đẹp của vạn vật, như Phanxicô khám phá, không phải là một sắp xếp bên ngoài, một vẻ đẹp gây hiếu kỳ hay đơn thuần là một sự trang trí. Sự vật ở đó dưới cái nhìn của Phanxicô thì trần trụi nguyên sơ, như một cuộc thần hiện của hữu thể. Vẻ đẹp chính là sự huy hoàng bí mật được phát sáng bởi chính sự vật. Nó thật kỳ diệu như chính sự sống.

Tính thâm mỹ của sự nghèo khó và khiêm hạ này tháp nhập chân lý của thọ tạo. Sự vật mà Phanxicô ca ngợi trong bài ca của mình được tô điểm bởi một sự đơn sơ gây bối rối. Không sự can thiệp nhân tạo nào khiến chúng phải biến dạng. Nhưng tất cả đều tỏa sáng. Chúng chiếu tỏa nhờ sức mạnh sự đơn sơ của

¹⁵ Fioretti, ch. 13, p.1328.

chúng. Cái khiêm tốn nhất cũng như cái vĩ đại nhất. Chì Nước, rất gần gũi với đất, toả rạng như sao trên bầu trời. Màu nhiệm này chính là ánh sáng: đây là điều mà bài ca công bố.

Chỉ một tâm hồn không còn gì để mất và trong suốt mới có được sự tinh tuyền vốn cho phép nó nhìn thấy sự huy hoàng này và nhận ra trong đó nét quyến rũ và biểu tượng vẻ đẹp vô hình của Tạo Hoá. “Phanxicô”, Thomas Celano viết, “biết cách chiêm ngắm Đấng Toàn Mỹ trong một sự vật đẹp”.¹⁶ Trong dòng nước lũ, Phanxicô nhìn thấy tận suối nguồn.

Chúng ta không thể tách rời cái nhìn kỳ thú của Phanxicô với đời sống nội tâm sâu sắc của ngài. Như những người hát rong vào thời đó, những người mà ngài sánh ví với chính mình, Phanxicô ca ngợi thiên nhiên bằng ngôn ngữ của tình yêu đang nung nấu tâm can ngài. Bài ca vũ trụ của ngài liên kết chặt chẽ với việc chiêm ngắm Đức Kitô. “Rất thường trong một chuyến đi, ngài suy gẫm và hát về Đức Giêsu”, Celano viết, “nên ngài quên cả những mệt nhọc khi rảo bước qua các nẻo đường và mời gọi mọi yếu tố sông nước cùng ca tụng Đức Giêsu với ngài”.¹⁷ Chúng ta không thể gọi lên quá nhiều sự chú ý đến sự kiện rằng, người hát Bài Ca Mặt Trời là người bị bêu xấu của xứ Alverna, người mang trong mình hình ảnh bốc cháy của một tình yêu nhập thể.

Mở đầu những bài hát của những người hát rong luôn luôn có hình ảnh của một tiết xuân bắt đầu nở hoa. Mùa xuân lộng lẫy những khóm hoa trong vườn cây ăn trái và tràn ngập tiếng chim, là hình ảnh tâm hồn của nhà thơ. Ông yêu và tâm hồn ông được biến đổi bởi tình yêu đó. Sự biến đổi sâu sắc này mang ông đến

¹⁶ I Celano 81, p. 296.

¹⁷ I Celano 115, p. 329.

chỗ thấy những điều mới lạ; ngang qua điều kỳ thú, nó làm cho ông tham gia vào sự biến đổi của thế giới.

Điều mà tình yêu nhân loại tác động nơi những người hát rong thì nơi Phanxicô, chính tình yêu Thiên Chúa đã làm điều đó, nhưng chân thật và sâu sắc hơn nhiều. Thế giới chói lọi và thân thiện được chiêm ngắm và tán dương, Phanxicô khám phá bằng cách đi từ những gì ngài trải nghiệm trong chính mình, trong tương quan mật thiết của ngài với Đức Kitô. Đây là kinh nghiệm về một cuộc sáng tạo mới. Tình yêu sáng tạo lớn lao mà Phanxicô mở lòng đón lấy biến ngài thành một con người mới, con người của thế giới tương lai. Cái nhìn kỳ thú mà ngài phóng về phía thế giới là cái nhìn của một người khám phá mọi sự trong ánh sáng phục sinh. Đó là một cái nhìn sáng tạo và tiên tri. Thomas Celano viết với một sự tinh thông sâu sắc, “Vẻ Đẹp vốn là nguồn của mọi sự vốn một ngày kia, sẽ trở nên tất cả trong mọi sự nơi con mắt của thánh nhân”.¹⁸ Không phải mọi thọ tạo đã được giao hòa và tái kết huynh đệ trong Đức Kitô phục sinh sao?

Chính trong ánh sáng này mà những cách diễn đạt của bài ca mang lấy mọi ý nghĩa của chúng: Anh Mặt Trời, Chị Mặt Trăng, Anh Gió, Chị Nước, Anh Lửa... Những hình ảnh này, vốn thiết lập một môi quan hệ hàng trực tiếp giữa con người và thế giới, được định đoạt để diễn tả thực tại trong sự toàn vẹn và duy nhất của nó. Chúng xoá bỏ mọi ranh giới, khôi phục sự sung mãn của hữu thể vốn vượt xa mọi khái niệm. Những hình ảnh này tạo nên một sự dịch chuyển vượt xa bất kỳ xung đột hay đoạn giao nào ở chính trung tâm hữu thể. Chúng tạo nên sự thống nhất: sự thống nhất của con người và thiên nhiên, của tinh thần và cuộc sống, của tự do và nhu cầu. Chúng hát về một cuộc

¹⁸ 2 Celano 165, p. 495.

trở về nguồn của hữu thể, một cuộc trở về với tuổi thơ của thế giới.

Phanxicô không tìm sự hoà hợp này đằng sau mình, trong quá khứ. Đối với ngài, sự hoà hợp này không gọi lại một thiên đường đã mất như nó diễn tả trong chính ý nghĩa của việc nên một trong Đức Kitô. Nhân quan huynh đệ và kỳ thú của Phanxicô không phải là một nhân quan nào đó về tình trạng nguyên sơ của thiên nhiên mà chúng ta có thể hoặc trở lại hoặc từ bỏ chính mình nhưng đúng hơn, là nhân quan về một thế giới hoạt động cho sự giao hòa, trong đó, sự ưu việt của giao hòa vượt trên sự cắt đứt đã được khẳng định nhờ vào công nghiệp của Đức Kitô. Tình huynh đệ vũ trụ của Phanxicô chỉ ít là một ký ức hoài cổ về sự ngây thơ ban đầu hơn là một hy vọng cháy bỏng về sự tha thứ và đổi mới. Ở đây sự cứu chuộc, với quyền năng phục sinh của nó, chiếu toả sự sáng tạo. Mặt trời ngập tràn trong bài ca của Phanxicô là mặt trời của buổi sáng Phục Sinh. “Hãy vui lên như thể anh đã ở trong vương quốc của Ta rồi”, Đức Giêsu bảo ngài.

Mọi cái nhìn của nhà thơ là một cuộc tìm kiếm đất hứa. Nhưng rất thường, nhà thơ không vào đất hứa, ông thấy nó từ xa, như Môisen. Chỉ qua dự định và theo một cách thức biểu trưng mà bài ca của ngài phục hồi sự thống nhất của thế giới. “Những khu rừng này đáng yêu, đen và sâu. Nhưng tôi có những lời hứa phải giữ, hàng dặm phải đi trước khi tôi ngủ”.¹⁹

Nhưng nhà thơ cũng có thể là một con người của niềm tin; ông còn có thể là một vị thánh. Rồi đối với chúng ta, ông giống như một trong những người được sai đi dò thám Đất Hứa trở về với

¹⁹ Robert Frost, “Stopping By Woods On A Snowy Evening”, *New Hamshire* (New York: Henry Holt and Co., 1923).

gánh trái cây nặng trĩu rồi nói, “Đó là một vùng đất tuyệt diệu. Hãy nhìn xem; nó rất gần, dưới ánh Sao Hôm”.

5

CHIỀU KÍCH SÂU THẨM

Chúng ta biết, những nơi chỗ mà Phanxicô lưu lại thật quan trọng; ở đó, những giấc mơ, những hình ảnh và biểu tượng xâm chiếm con người của ngài bắt đầu với những ước mơ đầu tiên vốn giúp làm sáng tỏ Bài Ca Thọ Tạo. Trong tập trước²⁰, dành hết cho bài ca này, chúng tôi cố gắng chỉ ra khía cạnh cụ thể của đặc tính thơ phú và tu trì của thánh nhân vốn có thể biểu lộ chiều kích bên trong của một hành trình hướng về Thiên Chúa của ngài. Chúng tôi không có ý trở lại việc phân tích chi tiết đó, nhưng chỉ muốn gọi lên nơi người đọc chiều sâu của bài ca này.

Thọ tạo mà Phanxicô ngợi ca không chỉ được quan sát mà còn được ước mơ - cách thận trọng, có lẽ, nhưng theo một cách thức thực tế và sâu sắc. Vì thế, “Anh Mặt Trời Quý Tộc” không đơn thuần là một hiện tượng vật lý thuần túy nhưng còn là một vật sống; anh không chỉ làm vui con mắt mà còn nói với linh hồn; anh mang lại niềm vui không bờ bến ngang qua sự huy hoàng và quảng đại trong ánh sáng của anh. Niềm vui này dâng lên theo cách thức trong đó anh được ca ngợi. Cuối cùng, “Anh Mặt Trời” lôi cuốn, anh đặt sự vật trong tương quan với Đấng Toàn Năng, “Lạy Đấng Tối Cao, anh là biểu tượng của Ngài”.

Vì thế, mỗi yếu tố vũ trụ được mơ về theo một ý nghĩa rõ ràng. Nước, gió và lửa, như chúng ta biết, có thể là những yếu tố bạo lực và huỷ hoại, nhưng với Phanxicô, chúng là những hữu thể huynh đệ, nhân hậu và chói ngời lạ thường. Bên cạnh đó, ngài còn nhận ra những giá trị tích cực khác quan trọng chúng. Vì thế, “Chị Nước” được xem là “khiêm tốn và khiết tịnh”. Yếu tố được tưởng tượng, mơ về trong chiều sâu. Nó gói ghém một đời sống bí mật.

²⁰ Eloi Leclerc, *The Canticle of Creatures* (Chicago: Franciscan Herald Press, 1977).

Tương tự như thế, “Anh Lửa” cũng trở thành một thực thể sống động. “Đẹp, vui tươi, tráng kiện và mạnh mẽ”, anh là biểu tượng của sự lôi cuốn sâu sắc, một mộng mơ về nung đốt. Chúng ta biết, Phanxicô thích ngồi trước đồng lửa suốt những đêm thu và đông dài, ở đó, giờ này qua giờ khác, trong sự tĩnh lặng của bầu khí tu trì, ngài thích thú chiêm ngắm người bạn ánh sáng này, người nghệ sĩ tung hứng vui tính này, đam mê đủ loại nhào lộn. Ngài để cho ngọn lửa đầy màu sắc, sống động phóng ra chuyển động tinh tế và sức nóng của nó; cả hai, theo một nghĩa nào đó, nên một. Ngày kia Phanxicô ngồi gần đồng lửa đến nỗi áo quần ngài bắt lửa nhưng vì quá vui sướng đến nỗi ngài không để ý.

Sự vật trong thiên nhiên mà chúng ta rất thích mơ về có những tương quan bí mật với đời sống nội tâm của chúng ta, với cảm xúc sâu sắc của chúng ta. Chúng ta cảm nhận chúng như cảm nhận chính mình. Chúng là những tấm gương của năng lượng ẩn giấu của chúng ta, ngôn ngữ biểu tượng của những nguồn cảm xúc đầu tiên của chúng ta. Chính giấc mơ lại mở ra những đại lộ sâu thẳm của tâm hồn.

Hãy xem một ví dụ thực sự đơn sơ: một căn nhà chẳng hạn. Ngôi nhà mà chúng ta ước mơ, mọi người ước mơ ở mức độ nào đó, lại không chỉ là một ngôi nhà bằng gỗ hoặc bằng gạch. Đó là một nơi có cuộc sống tốt lành, nơi chúng ta tìm thấy sự thanh thản, thân thiết và hơi ấm. Đó là một tổ ấm được dệt nên bởi những giá trị chung. Ngôi nhà bình yên và an toàn này, trong đó, người mơ thích tưởng tượng chính mình là một biểu tượng của người mẹ. Ngôi nhà mộng mơ này là ngôn ngữ của cảm xúc sâu sắc: nó đưa chúng ta trở lại kinh nghiệm ban đầu về sự hiệp thông trong cuộc sống. Các nhà tâm lý đã nghiên cứu các bức tranh về những ngôi nhà do bọn trẻ vẽ và một người đã ghi nhận: “Yêu cầu một đứa trẻ vẽ một ngôi nhà là yêu cầu nó biểu

lộ giấc mơ thâm sâu nhất, trong đó, nó muốn che chở hạnh phúc của nó; nếu nó hạnh phúc thì nó sẽ tìm thấy một ngôi nhà được bảo vệ, một ngôi nhà vừa vững chắc vừa bám rễ sâu. Nó được vẽ theo hình dáng của nó, nhưng hầu như luôn có một đường nét nào đó biểu thị một sức mạnh nội tâm. Trong một vài bức tranh, rõ ràng đó là hơi âm bên trong; có một ngọn lửa, một ngọn lửa sống động đến nỗi người ta có thể nhìn thấy nó nhảy ra khỏi ống khói. Khi gia đình hạnh phúc, khói nhẹ nhàng nô đùa trên mái nhà”.

Chúng ta có thể nói tương tự về nước, gió, lửa và đất. Tất cả các yếu tố này, trong chùng mực, lôi cuốn chúng ta và chúng ta mơ về chúng chính là ngôn ngữ của cảm xúc đầu tiên này. Điều mà chúng ta trực tiếp mơ về vừa biểu lộ thế giới vừa biểu lộ chúng ta. Chính xác hơn, nó biểu lộ hữu thể trong thế giới của chúng ta với những sức mạnh nguyên sơ của sự gắn chặt và liên kết với cuộc sống.

Vì thế, khi đến với thế giới của những giấc mơ, chúng ta cũng gặp phải phần tăm tối nhất của chính mình, phần tốt nhất cũng như tồi tệ nhất với toàn bộ sức mạnh của ước muốn. Ở mọi thời và mọi nền văn minh, con người diễn tả những khát vọng nguyên sơ nhất cũng như những kinh nghiệm thiêng liêng cao cả nhất của mình một cách biểu tượng đối với các thực tại vũ trụ: bằng cách vừa ca tụng chúng vừa mơ về chúng. Lịch sử thần thoại và tôn giáo cho thấy mặt trời, mặt trăng, nước, gió, lửa, đất...v.v.. là những biểu tượng lớn, gọi lên những sức mạnh lôi cuốn và đáng sợ; những sức mạnh vừa không lộ vừa gần gũi, mang đến sự sống cũng như sự chết. Ví dụ nước đã là một biểu tượng mạnh mẽ đầy cảm xúc cho thiên niên kỷ. Chúng ta gặp nó thường xuyên trong thơ ca, tranh ảnh, bài hát, truyền thuyết và cả trong những giấc mơ... cũng như trong các trường phái biểu

tượng tôn giáo hư cấu nhất. Nước là biểu tượng của người mẹ và giấc mơ về nước biển con người thành nguồn sống, thành cung lòng mẹ, thành khởi nguyên của thế giới, thành vực thăm ban sơ và màu mỡ. Nước là biểu tượng của sự sống và tái sinh nhưng cũng là biểu tượng của sự chết. Nước nuốt chửng người phó mình cho nó cách bị động. Vì thế, “giấc mơ nước” diễn tả cuộc trở về với giấc ngủ ban đầu, một sự tan biến trong cái ban sơ. Giống như mọi biểu tượng lớn, nước là một sức mạnh sóng đôi.

Điều này cũng đúng cho “Mẹ Trái Đất của chúng ta” mà rõ ràng, Phanxicô đã ca ngợi như một biểu tượng của người mẹ mọi yếu tố khác.

Nếu thừa nhận chiều kích phần nào khó hiểu và biểu tượng của các yếu tố vũ trụ trong sự tán dương đạo đức và thơ mộng của chúng, chúng ta mới có thể cảm nhận được ý nghĩa sâu xa của Bài Ca Thọ Tạo. Nhưng không chỉ các yếu tố vũ trụ được mơ ở đây; chính trật tự của chúng, vốn tạo nên cấu trúc của bài ca cũng được liên kết với giấc mơ. Thực ra, các yếu tố vũ trụ không được gọi lên ở đây theo một cách thức ngẫu nhiên và vô trật tự nhưng theo sự thay đổi đều đặn các cặp anh chị em. Vì thế chúng ta có một loạt ba cặp: Anh Mặt Trời, Chị Mặt Trăng; Anh Gió, Chị Nước; Anh Lửa và Chị Mẹ Trái Đất. Cặp Mặt Trời - Trái Đất tạo nên một toàn thể. Một trật tự như thế không có ý nghĩa khách quan, nó cũng không liên quan gì đến thuyết vũ trụ về bốn yếu tố đang hiện hành vào kỷ nguyên đó. Trái lại, nó có vô số tương quan trong lịch sử thần thoại và biểu tượng tôn giáo. Cái khung rõ ràng của nó là khung của những hình ảnh mộng ảo lớn lao, trong đó, những năng lực ban đầu của linh hồn con người đã được diễn đạt từ muôn thuở.

Chính trong ánh sáng này mà giờ đây, chúng ta cố gắng thấu hiểu bài ca của Phanxicô và đưa ra ý nghĩa ẩn tàng của nó. Dưới lớp vỏ của sự tán dương vũ trụ, Phanxicô đang đương đầu với chính mình, với các chiều kích thâm sâu của mình. Bằng cách mơ về bản chất “quý giá” và “thân thiện” của sự vật, ngài trở nên huynh đệ với các chiều kích hấp dẫn và đáng sợ của linh hồn. Dĩ nhiên vô thức nhưng theo một cách thức đích thực. Như các mục tử của Pierre Emmanuel, ngài “thăm dò các tầng trời trong tâm hồn mình và tâm hồn ngài vượt xa chúng”. Những hình ảnh vũ trụ lớn lao này - Anh Mặt Trời, Chị Mặt Trăng, Anh Gió, Chị Nước, Anh Lửa, Chị Mẹ Trái Đất của chúng ta - tất cả đều diễn tả một sự hiệp thông huynh đệ không những với các thực tại thiên nhiên mà còn với những sức mạnh gần gũi vốn đang hoạt động trong tâm hồn chúng ta, vốn tạo nên “khảo cổ học” của chúng ta. Tình huynh đệ được diễn đạt trong bài ca này vươn đến không chỉ những yếu tố vật chất mà còn tới tất cả các yếu tố đến sau vốn được đánh giá đúng đắn trong giấc mơ, biểu trưng trong các chiều kích của tâm hồn.

Phanxicô mở lòng mình đón nhận các thọ tạo với sự kỳ thú và lòng triu mến. Đổi lại, chúng dẫn ngài đến với chính mình, với sự trọn vẹn của con người và mầu nhiệm của nó.

Chúng ta bắt đầu cảm nhận một kinh nghiệm lớn lao mà Bài Ca Thọ Tạo sẽ là một ngôn ngữ biểu trưng cho cảm nghiệm đó. Bản chất của cảm nghiệm này là gì? Bây giờ chúng tôi xin trả lời câu hỏi này.

6

CON SÓI
ĐƯỢC THUẦN HOÁ

Ở đây, kinh nghiệm nội tâm nào đang trên đường tiến đến ánh sáng ban ngày? Những biểu tượng vũ trụ lớn lao đặt con người trong tương quan với các năng lực khó hiểu và hấp dẫn của hữu thể con người. Nhưng điều gì xảy ra một khi cuộc tiếp xúc này được thực hiện? Tiếp xúc với các chiều kích của mình thì không đủ để được cứu. Nhiều người đi vào cái hang âm u với hy vọng tìm thấy kho báu quý giá chiếu sáng ở đó và đã bị con rồng ngốn. Con đường dẫn đến các chiều kích sâu xa thì luôn là con đường nguy hiểm. Đó là lý do tại sao con người “có lý” sợ nó và tránh nó. Nhưng đây cũng là con đường của sự sống và tiến bộ. Nó dẫn đến một vực thẳm hay một đỉnh cao. “Theo lối dẫn vào”, Teilhard de Chardin viết, “một cơn gió lốc mang người ta vào những chiều kích tối tăm hay nâng người ta lên tận trời xanh”.

Chúng ta nên đặc biệt chú ý đến cách thức trong đó, những yếu tố vũ trụ được nhìn ngắm và cảm nhận với thánh Phanxicô. Những hình ảnh lớn, vừa truyền kiếp vừa hấp dẫn và đáng sợ, như “Chúa Mặt Trời” hay “Mẹ Trái Đất của chúng ta” trình bày một gương mặt huynh đệ trong bài ca này. Con người trở nên anh em với chúng theo cách này mà không cảm thấy bị chúng thống trị; người đó không bị nghiền nát bởi những sức mạnh đen tối mà chúng biểu hiện và biểu trưng. Không nỗi đau nào phản chiếu cái bóng của nó ở đây, cũng không một dấu vết của sự thù hằn nào xuất hiện. Các yếu tố vũ trụ được lột bỏ khỏi những tính cách huỷ hoại của mình. Sự thanh bình và ánh sáng ngự trị từ đầu này đến đầu kia của bài ca. Mỗi yếu tố vũ trụ chìm đắm trong bầu khí bình yên. Sự thanh bình quá lớn lao đến nỗi người ta có thể dễ dàng nhầm lẫn và bỏ quên chiều sâu của bài ca, chỉ thấy sự biểu hiện của một nhãn quan bộc trực và ngây thơ về thế giới.

Sự khám phá đầu tiên dẫn chúng ta đến chỗ nghĩ rằng kinh nghiệm sâu sắc, vốn ở đây theo mặt ngôn ngữ, là một kinh nghiệm về sự hoà giải. Sự thanh bình lớn lao mà chúng ta không nên quên, đi đến cuối đời, là dấu chỉ của một sự bình thản nội tâm, một sự chấp nhận bản ngã sâu xa, một sự hoà giải giữa phần cao nhất của con người và các năng lực trực giác và xúc cảm vốn hoạt động cách mờ ám trong con người. Ở đây, các năng lực ước muốn đầu tiên, những năng lực sống chết lớn lao đó đã mất đi khía cạnh gây rắc rối và đe dọa. Phanxicô không còn gì để sợ các năng lực hoang dại này nữa. Ngài không huỷ hoại chúng, ngài thuần hoá chúng như thuần hoá con sói của Gubbio. Con sói này không phải là biểu tượng của sự thù hận vốn có thể huỷ diệt chúng ta nhưng cũng có thể trở thành một năng lực yêu thương chúng ta sao? Đối với Phanxicô, năng lực đầu tiên này đã trở nên thân thiện; nó được tháp nhập vào động cơ thôi thúc toàn hữu thể ngài hướng về Đấng Tối Cao. Không phải chính năng lực này được ca hát theo hình ảnh của Anh Lửa, “đẹp, vui tươi, không thể khuất phục và mạnh mẽ”; và về Anh Gió, người tiếp thêm sức mạnh bằng hơi thở mạnh mẽ của mình sao? Vì thế, ngôn ngữ của Bài Ca Thọ TẠO là ngôn ngữ của “thi ca” về sự giao hòa của con người và “nhân chủng học” bên trong của mình”.

Nhưng chúng ta không thể tiến xa hơn trong việc khám phá kinh nghiệm này. Dĩ nhiên, còn có một điều thứ hai hướng sự chú ý của chúng ta đến với bài ca. Phanxicô không chỉ ca tụng thọ tạo vốn biểu hiện sức mạnh và sự dồi dào như mặt trời, gió và lửa; ngài cũng hát về những gì vốn dẫn ngài đến chỗ mơ về một cuộc sống vừa bí mật vừa phong phú như là nước và đất. Bài ca của ngài được tạo nên bởi một loạt các hình ảnh giống đực giống cái khác nhau. Hai khía cạnh của tâm hồn con người, *animus* và *anima* ở đây chuyển động tay trong tay như người anh và người

chị. Yếu tố sức mạnh và hành động được mơ về tương ứng với yếu tố gần gũi và sâu sắc. Vì thế, bên cạnh “Anh Mặt Trời Quý Tộc”, kẻ toả sáng trong sự huy hoàng vĩ đại với niềm vui bao la là một loạt những nữ nhi rực rỡ ban đêm, “rạng ngời, quý giá và xinh đẹp”. Tương tự như thế, cùng với Anh Gió, kẻ giương cánh thổi tự do, là Chị Nước “khiêm tốn, quý báu và trinh trong”. Cùng lúc, Phanxicô kết thân với sức mạnh vũ trụ của cái thứ nhất với cuộc sống bí mật cùng chiều sâu tiếp nhận của cái thứ hai. Sau hết, cùng với Anh Lửa, diễn viên tung hứng vui tính và lực lưỡng là Chị Mẹ Trái Đất, người cuu mang và dưỡng nuôi chúng ta, Phanxicô liên kết sức sống mạnh mẽ của lửa và sự kiên nhẫn phong nhiêu của đất tổ trong một và cùng một tình yêu huynh đệ.

Sự thay đổi này làm cho một tâm hồn mở ra với mọi sức mạnh của nó: không chỉ với các sức mạnh hành động và chinh phục theo lý trí mà còn với các sức mạnh trực giác và xúc cảm của sự đón nhận và hiệp thông. Ở đây người ca ngợi về các thọ tạo không phải là những con người bị đồng hóa với *logos* (lời) thuần lý và khả năng thống trị của mình; nó không hài lòng để rồi chỉ lo tổ chức các sự vật, hay để làm những công việc “hữu ích”, đóng ấn của mình trên thế giới theo tiêu chuẩn hiệu quả nào đó. Nó cũng là một người cẩn thận không để mất liên lạc với một thế giới thâm sâu hơn: một thế giới của những giá trị nội tâm vốn không thuộc về lãnh địa việc làm mà là của hiện hữu. Tóm lại, con người mở ra với bí mật của hữu thể và sự nhưng không của nó.

Bài Ca Thọ Tạo ngày càng tỏ ra cho chúng ta như ngôn ngữ của một con người được giao hoà với toàn thể cảm xúc của mình, một người được sinh ra với một cá tính mới và toàn vẹn.

Một sự quan sát thứ ba sẽ dẫn chúng ta đến chính trung tâm của cá tính mới mẻ này. Trong Bài Ca Mặt Trời, người ta không thể tách sự hiệp thông với thọ tạo ra khỏi chiều kích hướng về Đấng Tối Cao. Bằng cách kết thân với thọ tạo, với tất cả những gì chúng biểu trưng cũng như những năng lực vô thức của chúng, Phanxicô mở lòng mình ra trước hơi thở nguyên sơ của hữu thể và sự sống: với chính tình yêu sáng tạo. Nghĩa là ngài chắc chắn đạt tới Thiên Chúa với tất cả tâm hồn, cả những năng lực u ám của cuộc sống và những khát vọng. Đời sống thiêng liêng của Phanxicô được xây dựng bằng những năng lực này. *Bằng* chứ không phải *dựa trên* hay *cùng* hoặc *bên trên*. Mọi cái sống đời đều bị bỏ qua. Sự xung đột giữa đời sống và tinh thần kết thúc. Các năng lực sống tham gia vào vận mệnh cao nhất của con người. Chính chúng hát ca trong ánh sáng của Anh Mặt Trời, trong sự rạng ngời của Chị Mặt Trăng và các Ngôi Sao, trong sự trong suốt của Chị Nước, trong sức nóng của Anh Lửa. Chúng không còn tối tăm, hoàn toàn không.

Chúng ta đang đứng trước sự hiện diện của một trường hợp khá hiếm hoi trong việc thiêng liêng hóa đời sống và sống động hoá tinh thần. Ở đây không còn đời sống thiêng liêng về mặt này hay đời sống hoàn toàn tự nhiên về mặt kia nữa. Một mặt, không có tinh thần với những khát vọng thanh cao của nó; mặt kia, một đời sống bí mật, với những ước muốn và thôi thúc ẩn giấu của nó. Toàn bộ điều này cuối cùng được thống nhất. Chắc chắn chúng ta không gạt bỏ cuộc đấu tranh nghiêm trọng và đôi lúc bất nhân mà Phanxicô tiến hành chống lại bản thân mình, chống lại điều mà ngài quen đề cập đến như “Anh Lửa” và từ đó ngài được ơn xin được thứ tha ở cuối đời. Nhưng có một điều gì đó cần chú ý ở đây: chủ nghĩa khắc kỷ nghiêm ngặt nhất không thay đổi những năng lực ban đầu của sự hiệp thông với đời sống trong Phanxicô. Khả năng kỳ thú, triu mến và thi ca của ngài

vẫn còn nguyên vẹn. Không gì làm cho cá tính sống động của ngài bị dập tắt. Một đôi khi, một sự phát triển thiêng liêng cao độ và sai lệch nào đó lại trở nên sự nghi ngờ hay thù hằn đối với bất cứ điều gì nối kết con người với thiên nhiên: đối với năng lực xúc cảm và trực giác của con người. Điều này không xảy ra với Phanxicô. Một cách đúng đắn, Louis Lavelle viết, “Có lẽ chưa bao giờ có một sự ý thức cởi mở hơn ý thức của thánh Phanxicô, một sự nhạy bén tức thời hơn, tinh tế hơn, dễ bị rung động hơn bởi tất cả những cú đụng chạm mà ngài nhận từ thiên nhiên, từ người khác và từ Thiên Chúa”.

Sự tinh tế sâu sắc nơi cá tính của Phanxicô phát xuất từ sự kiện rằng, nó hoà giải theo một cách thức cụ thể và sống động, những điều vốn rõ ràng không thể hoà giải được. Nó tái hợp sự tinh tuyền của tinh thần và tính thơ mộng của cuộc sống, tình yêu thập giá và sự ca ngợi mặt trời, sự đồng hoá với Đức Kitô chịu đóng đinh và sự hiệp thông xúc cảm với thiên nhiên. Bài ca của ngài là bài ca của một người trong đó, đêm đen và đau khổ của nó được biến thành ánh sáng.

Một giai đoạn trong đời Phanxicô có thể minh hoạ sự biến đổi con người theo một cách thức biểu trưng. Sự kiện xảy ra vào buổi đầu ở huynh đoàn Phan Sinh khi Phanxicô vắng mặt và các anh em trong cộng đoàn bé nhỏ tự xoay sở. “Hãy xem, khoảng nửa đêm, khi một vài anh em đang nghỉ và một số khác đang sốt sáng thỉnh lặng cầu nguyện, thì một xe ngựa bằng lửa bùng bùng đi qua cửa lớn mà vào nhà, một quả cầu lửa khổng lồ ở trên nó, y hệt mặt trời và chiếu sáng đêm đen. Những người canh thức bị loá mắt, những người ngủ ngon thức dậy và run sợ; họ cảm thấy tâm hồn bùng sáng không thua gì thân thể. Tự lại với nhau, họ bắt đầu hỏi nhau đó là gì; nhưng nhờ sức mạnh và ân sủng của ánh sáng lớn đó mà ý thức mỗi người được tỏ ra

cho người khác. Cuối cùng, họ hiểu và biết rằng đó là linh hồn của cha thánh mình đang toả chiếu rạng ngời”.²¹

Các anh em không ngần ngại nhận đây là linh hồn của Phanxicô trong chiếc xe lửa. Hình ảnh chiếc xe mặt trời là một trong những hình ảnh căn bản nhất mà ý nghĩa của nó liên quan đến ơn gọi của con người trong những sứ vụ quan trọng. Chiếc xe ngựa, con ngựa mang mặt trời được vẽ ra, biểu trưng sự trọn vẹn trong đó, bản chất thú vật và những năng lực man dại của nó được thấy là đang liên kết với sự chói ngời và thần thiêng. Hình ảnh này là biểu tượng của sự giao hoà tinh thần và đời sống, của số mệnh thần thiêng của chúng ta và “khảo cổ học” nội tâm của mình. Vậy chúng ta không nên ngạc nhiên nếu hình ảnh này thường được liên kết với một cuộc thăng thiên: người anh hùng, được biến đổi thành mặt trời, được mang trong không khí trên chiếc xe ngựa bốc lửa. Nó là hình ảnh của Êlia trong Thánh Kinh, nó cũng là hình ảnh của Phanxicô trong bức tranh mà Giotto công hiến trong thời của ông.

Không gì tốt hơn có thể minh hoạ kinh nghiệm sâu sắc của sự hoà giải được diễn tả trong Bài Ca Thọ Tạo hơn khoảnh khắc nhá nhem và ánh mặt trời lúc nửa đêm kỳ diệu này.

²¹ 1 Celano 47, pp. 268-269.

7

BÊN DƯỚI DẤU HIỆU CỦA SỰ THA THỨ

Sẽ rất thiếu sót từ Bài Ca Thọ Tạo nếu Thiên Chúa đã không được chính thọ tạo cao quý nhất ca ngợi: *con người*. Thật đúng khi nói lời ca ngợi của cả vũ trụ đầy tràn sự có mặt của con người như chúng tôi đã trình bày, nhưng đoạn thơ gần cuối, rõ ràng, lại được dành cho sự ca ngợi chính con người, những con người nhân hậu và bình an.

*Lạy Chúa, Ngài phải được tán dương
bởi những kẻ tha thứ vì tình yêu dành cho Ngài
Người mang lấy thử thách và đau khổ
thì hạnh phúc biết bao nếu họ cam chịu trong bình an:
Nhờ Ngài, lạy Đấng Tối Cao, họ sẽ được trao vương miện.*

Cặp đôi này không thuộc về bài ca đầu tiên. Nó được Phanxicô thêm vào khi ngài sai các anh em đi hát bài đó trước mặt Giám Mục và ông Thị Trưởng Assisi, để làm hoà hai người này. Ngay cả như vậy, liệu chúng ta có thể nghĩ rằng, đây là phần thêm vào do hoàn cảnh và không liên can gì đến phần còn lại của tác phẩm?

Thoạt nhìn, đoạn thơ không ăn khớp gì với phần còn lại của bài ca. Nó dẫn chúng ta đi vào một thế giới khác hay dường như là như thế. Lời tán dương vũ trụ trong phần còn lại của bài ca mở ra hoàn toàn dưới dấu hiệu của một tình bằng hữu không vết nơ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta bị quăng vào một thế giới nơi sự căng thẳng, xung đột và đau khổ xuất hiện, nơi con người đương đầu với người khác cũng như đương đầu với chính mình, với bệnh tật và đủ loại các thử thách khác nữa.

Vậy mà Phanxicô muốn đưa đoạn này vào trong bài ca ánh sáng của ngài. Bằng cách mở rộng lời ngợi ca vũ trụ với lời ca của một con người tha thứ và bình an, ngài không chỉ hoàn thành tác phẩm của mình mà còn biểu lộ ý nghĩa sâu sắc của nó. Đoạn thơ

này vốn trước tiên dường như được thêu dệt cho một hoàn cảnh bên ngoài, nhưng thực ra đó là sự nở rộ của khát vọng căn bản của bài ca. Đoạn thơ sau thực sự được thể hiện như bài ca của một con người được giao hoà, từ ái như mặt trời, theo hình ảnh của Đấng Tối Cao.

Để hiểu ý nghĩa của cặp câu này, chúng ta phải thấy nó trong sự bộc lộ kinh nghiệm riêng tư của Phanxicô, đồng thời nối kết nó với đời sống tương quan của ngài. Hẳn chúng ta sẽ bỏ quên điếm này nếu nghĩ rằng đời sống tương quan với người khác hoàn toàn quy về dấu hiệu của tình huynh đệ vũ trụ. Phanxicô đã trở thành người anh em của vũ trụ; lúc đầu ngài không như thế. Làm thế nào ngài mở vũ trụ của mình ra cho mọi người? Làm thế nào ngài khám phá bí quyết của lòng nhân hậu và bình an? Đây là vấn đề liên quan đến chúng ta nhất.

Phanxicô không phải là người chạy trốn khỏi mọi tương tác với con người. Trái lại, con trai của người thương gia thành Assisi tự nhiên mở lòng mình ra trao đổi với người khác. Tuy nhiên, được phú bẩm một bản chất giàu cảm xúc, chàng thanh niên Phanxicô yêu mến bạn đồng hành. Tiếp xúc với người khác thì dễ dàng và thích thú đối với cậu; cậu dễ dàng đi vào sự đồng cảm với người khác. “dịu dàng, quyen rũ, kiên nhẫn, nhã nhặn hơn người, quăng đại hơn những người khác”²²- mọi đường nét, theo Thánh Bonaventure, vốn làm nổi trội chàng thanh niên Phanxicô ngay khi cậu vẫn còn trên cõi đời.

Toàn bộ sự phong phú cảm xúc tự nhiên này được nhấn mạnh bởi sự tiếp cận với phong trào văn hóa thời đó. Thời thanh niên của Phanxicô mở ra trong bối cảnh của nền văn minh được điếm tô bởi vẻ bề ngoài và sự phổ biến lý tưởng tình yêu cách lịch

²² Legenda Major, ch. 1, p. 626.

thiệp. Bất nguồn từ cung điện của các lãnh chúa ở miền Nam nước Pháp, lý tưởng này lan rộng nhanh chóng xuyên suốt Châu Âu nhờ các bài ca và tiểu thuyết nói về tinh thần thượng võ của những người hát rong. Vượt quá cả một sự thích thú nhất thời, nó gọi lên một cuộc cách mạng về phong tục và cảm giác. Tình yêu được ca ngợi như điều cốt yếu của cuộc sống. Khi đề cao phụ nữ, tình yêu này có khuynh hướng ít chiếm hữu thể xác hơn là tâm hồn; tình yêu này vươn đến một quý cô “xa lạ”, một sự tôn thờ thình lạng và ẩn giấu, một sự nâng cao tâm hồn trong niềm vui của việc yêu và được yêu. Bài ca của những người hát rong không ngừng kể lại những khao khát, sợ hãi và niềm vui của trái tim đang yêu. Sự tinh tế của cảm xúc này, nghệ thuật yêu này được đánh dấu bởi sự tôn trọng và triu mến - trong một từ, sự “lịch thiệp” này - vang vọng mãi trong tâm hồn của Phanxicô. Nó gọi lên và hun đúc những năng lực tình cảm của thời thanh niên của ngài. Đối với chàng trai này, một người có khả năng yêu thương dạt dào, sự gọi lên tính nhạy cảm trong hơi thở trữ tình của một tình yêu lịch sự là cảm xúc từ tận đáy lòng: một điều tuyệt diệu như thế vốn đánh động chàng Percival khi cậu thấy vệt sáng đầu tiên của chiếc áo giáp kỵ binh trong rừng. Cảm xúc mới mẻ này sẽ đồng hành với Phanxicô suốt đời.

Nhưng lý tưởng *ái tình* của Phanxicô đôi trọng với mỗi quan tâm với những gì bên ngoài. Phanxicô cần được thán phục, tách biệt mình khỏi người khác và nhắc mình lên trên những người khác. Điều này được thể hiện rõ nét trong cách ăn mặc của cậu vốn vừa xa hoa vừa phung phí. Cậu phô trương một sự hoang phí nặc danh. Cậu tiêu xài cách ngớ ngẩn theo lối công tử cho việc tổ chức tiệc tùng và lễ lạt. Trong mọi chuyện, cậu tìm cách độc nhất hoá chính mình và trở nên trung tâm của mọi chú ý. Nhờ năng khiếu bẩm sinh, cậu đã thành công - một mặt trời đích thực. Mọi người ca tụng cậu như một vị vua đã có một thời trai

trẻ vàng son ở Assisi. Tham vọng của cậu gia tăng theo tuổi tác. Chỉ Thiên Chúa biết, Phanxicô lặng lẽ khinh miệt biết bao nghề buôn bán vải vóc của cha cậu. Nếu mơ về tiệm vải của cha trong giấc ngủ, cậu thấy nó biến thành một cung điện nguy nga, đầy sự huy hoàng của mọi thứ vũ khí như trong các tiểu thuyết về kỵ binh. Dĩ nhiên, tất cả các vũ khí này đang lấp lánh cho chính Phanxicô, cho cậu và các kỵ sĩ của cậu. Tham vọng của cậu là trở thành một hoàng tử làm cho cả thế giới nói chuyện. Tất một lời, cậu bị vinh quang lôi cuốn.

Khát vọng thanh thế và quyền lực chắc đã dẫn cậu đến chỗ xem xét nhiều cách để đạt được mục tiêu. Nếu theo xu hướng này, có lẽ Phanxicô đã trở thành một người đàn ông quyền lực trên thế gian. Chắc chắn Phanxicô đã không trở thành thiên tài tình yêu mà khả năng khơi gợi của ngài vẫn sống động ở giữa chúng ta.

Cuộc trở lại với Tin Mừng của Phanxicô nhất thiết là sự từ bỏ khát vọng vẻ bề ngoài và thống trị này. Cậu khám phá trong Đức Kitô chịu đóng đinh vị Chúa của vinh quang. Cậu mở lòng đón lấy tình yêu tuyệt diệu vốn dẫn người Con tối cao của Thiên Chúa chọn lựa cuộc sống của một tội tở trên cõi đời này. Từ cuộc gặp gỡ với Đức Kitô, cuộc đảo lộn các giá trị sống đã khởi đầu. Cậu cũng chọn điều kiện của một tội tở và đặt mình tận đáy của giai cấp xã hội. Các năng lực hiệp thông và tính dịu dàng vốn đã có trong cậu được thả lỏng từ lúc đó. Theo khuôn mẫu *agape thần thiêng*, chúng dẫn cậu đến với những người khác mà cho tới lúc đó, đã bị loại trừ khỏi vũ trụ của cậu: những người cùi. “Chính Chúa đã dẫn tôi đến giữa họ và tôi xót thương họ”.²³

Từ lúc đó trở đi, chân trời con người của Phanxicô được rộng mở cách tuyệt diệu. Tình yêu của cậu đến với mọi người, không

²³ Testament, p. 67.

phân biệt giai cấp, chủng loại, hay tôn giáo. Nó bao hàm từ giáo hoàng đến vua Hôi, bằng cách cướp bóc. Đây không phải là tình yêu con người nói chung nhưng là tình yêu từng cá nhân với những nhu cầu và giá trị riêng của người đó. Đối với cậu, mỗi người là đối tượng của một tình yêu duy nhất. Đây là cách cậu ứng xử với những người mà Thiên Chúa gửi đến cho cậu. Cậu không coi tình yêu huynh đệ này như một tình yêu không được đánh dấu bởi sự tôn trọng và quý chuộng. “Các anh em”, ngài viết trong Luật Sống đầu tiên, “nên tận dụng sự quan tâm và tinh thần tốt lành của họ trong sự tôn trọng và biểu dương lẫn nhau”.²⁴ “Ước gì họ luôn yêu thương và tôn trọng nhau”.

Đó là một tình yêu loại trừ mọi dấu vết tự phụ. Nó đòi hỏi tương quan của con người dựa trên một điều gì đó khác với ước muốn thống trị, “Các anh em sẽ không có quyền thống trị trên nhau”.²⁵ Quả thực, cộng đoàn Phanxicô ước mơ xây dựng với các anh em mình nhất là một cộng đoàn của những người bạn, nơi mỗi người cảm thấy mình được tiếp đón, được nhận biết và tôn trọng. Vì thế, đó là một cộng đoàn mở ra cho mọi người, không miễn trừ một ai.

Tuy nhiên chúng ta không nên trình bày tình yêu Phanxicô dành cho người khác như “một giấc mơ xuất thần và một nụ cười không dứt, nhưng đúng hơn là một cơn đau nhói”. Nếu Phanxicô đã giao hoà nhiều người với nhau và với chính mình, nếu ngài chiếu toả một ánh sáng và sự dịu hiền vô cùng trên tất cả mọi người và mọi vật xung quanh thì nhất thiết vì ngài đã chìm mình vào một kinh nghiệm giao hoà nội tâm. Tuy nhiên, kinh nghiệm này thật khó. Thật ra, ai chỉ cậy dựa hoàn toàn vào

²⁴ Testament of Sienna.

²⁵ 1 Rule, ch. 5, p. 36.

các nguồn lực thiện chí riêng của mình thì không thể thực hiện điều đó.

Khi đọc *Các Thủ Bản* của Phanxicô, người ta có thể ngạc nhiên trước việc ngài cẩn thận đẩy lùi sự kích động và giận dữ như những vật cản cho lòng bác ái trong chính mình và trong kẻ khác. Quả thực, với ngài, sự kích động và giận dữ là một thái độ không thể nhầm lẫn của thái độ chiếm hữu - một thái độ thường rất vô ý thức.

Phanxicô đúng đắn nhận thấy rằng, tận gốc rễ của sự tuyệt giao giữa con người, luôn có một sự co cụm vào trong chính mình, một khát khao thâm kín cho sự chiếm hữu vốn làm cho con người nhìn thấy mọi sự quy về mình: cá tính, tư tưởng, dự án hay những mối bận tâm. Tất cả những điều này thường ở dưới lớp vỏ của những lý tưởng cao cả nhất. “Khi khát khao chiếm hữu thâm kín bị ngăn trở thì sự kích động, tức tối, giận dữ và tuyệt giao là hậu quả của nó. Phanxicô cũng nhìn thấy đúng đắn rằng, một mình con người không thể vượt qua khát khao này cũng như giải phóng chính mình khỏi co cụm trong chính bản thân và công việc của mình”.

Nhưng nói rằng, ngài *đã thấy* điều này thì không đủ. Ngài *đã sống* điều đó cách cao độ trong một kinh nghiệm kiên quyết. Nếu ngài nói về sự kích động và giận dữ cách minh bạch và sáng suốt đến thế, bởi ngài đã biết chúng nhờ kinh nghiệm của mình. Chính ngài bị cám dỗ kích động và giận dữ và theo một cách thức ngấm ngấm nhất: trong chính công việc hoà giải của ngài. Đã làm việc nhiều năm để tạo nên một cộng đoàn nhân loại thân thiện, trong vòng hai năm, ngài đã biết cám dỗ kích động và giận dữ là thế nào. Không, mặt trời không luôn chiếu sáng trên tương quan của Phanxicô với các anh em. Có những

ngày đen tối, rất tối, những ngày không những nhiều mây mà còn lấm giông tố.

Bên ngoài, mọi chuyện tiến triển một cách kỳ diệu: sự phát triển của Dòng đã nhanh chóng vượt quá những kỳ vọng của mọi người; các giáo hoàng, vị này đến vị kia, đều dành một lòng nhân hậu đặc biệt cho các anh em. Tuy nhiên ở thời điểm này, bầu trời đột nhiên trở nên tăm tối. Một cơn đau nhói chiếm lấy tâm hồn Phanxicô. Đương đầu với việc làm của một số anh em, ngài tự hỏi, liệu những dự định ngài cuu mang thực sự có tiếp tục phát triển theo kế hoạch của Chúa không. Ngài thấy dự án này, dự án *của ngài*, bị tổn hại một cách nghiêm trọng. Ngài bị dằng co giữa sự tổn thương và thất vọng.

Chúng ta phải đọc lại chứng từ của những người viết tiểu sử đầu tiên của ngài về cuộc khủng hoảng rất trầm trọng này, cuộc khủng hoảng mà Phanxicô hứng chịu. “Tâm hồn ngài ngập tràn đau khổ”, Thomas Celano nói, “một số anh em đã bỏ công việc trước đây của mình và bỏ quên sự đơn sơ trước đó của họ sau khi họ khám phá những điều mới mẻ”.²⁶ “Thánh nhân bị xao động nhiều bởi điều đó cả bên trong lẫn bên ngoài, trong tâm hồn và nơi thân xác. Đôi lúc, thậm chí ngài tránh sự có mặt của anh em vì ngài không thể mang cho họ nụ cười thường xuyên của mình bởi sự căm dỗ này. Ngài hành xác bằng cách làm mà không ăn và kiêng nói. Ngài thường ẩn mình trong một khu rừng gần nhà thờ để cầu nguyện: ở đó, ngài có thể buông lỏng nỗi đau của mình và tuôn ra những cơn nước mắt trước sự hiện diện của Chúa, để cho Ông Chủ vốn có thể làm mọi sự có thể chiếu cố gửi đến cho ngài một phương thuốc từ trời hầu chữa lành một sự quấy rầy phiền toái đến thế. Ngài bị cơn căm dỗ này

²⁶ 1 Celano, ch. 104, p. 319.

hành hạ hơn hai năm, cả ngày lẫn đêm”.²⁷ “Các anh em tốt lành nhất bị đưa vào tình trạng bối rối”, ngài thờ dài, “bởi lời lẽ của những anh em xấu... Họ đâm tôi bằng một lưỡi gươm sắc nhọn và thọc nó vào tim tôi suốt ngày”.²⁸

Thực tế, Phanxicô sợ thất bại. Ngài bị cám dỗ nguyên rủa một số anh em và ẩn mình trong một sự thinh lặng kiêu ngạo và đấng cay. Đây chính là con người cũ của ngài, kỳ vọng và kiêu căng. Cuộc khủng hoảng này trở nên trầm trọng hơn bởi bệnh tật, một thử thách quyết định đối với ngài. Thiên Chúa chờ đợi ngài ở đó. Phanxicô được mời gọi thanh luyện nhiều hơn trong việc đào sâu đức tin của con người tội nghiệp của ngài. Ngài phải “từ bỏ” chính công việc của mình để xem nó như không còn là mối bận tâm của mình nữa mà là của Thiên Chúa. “Hỡi con người bé nhỏ đơn sơ và ngu ngốc, hãy nói cho Ta hay, tại sao anh quá phiền muộn...? Nói cho Ta hay, ai đã sáng lập Dòng Các Anh Em này? Không phải Ta sao? Ta đã chọn người, một con người mộc mạc và dốt nát, để cả người và những người khác có thể nhận ra rằng, Ta sẽ canh chừng đoàn chiên của Ta... Vì thế Ta bảo người: đừng phiền muộn”.²⁹ Như Abraham, Phanxicô tin điều này. Đó thực sự là niềm tin của một kẻ nghèo nàn, một niềm tin dẫn tới sự trao lại hoàn toàn bản thân và cộng đoàn của mình vào tay Thiên Chúa và Giáo Hội; đồng thời, làm cho ngài mạnh mẽ trong bình an với bản thân và với các anh em mình: với tất cả các anh em. Một sự an hoà tạo nên bởi tính kiên nhẫn và lòng từ nhân.

Khi nói về Phanxicô Assisi và cố gắng hiểu sâu sắc con người này thì chúng ta phải luôn trở về với đức tin của con người tội

²⁷ Legend of Perugia, 21, pp 997-998.

²⁸ 2 Celano 157, p. 488.

²⁹ Mirror of Pefection, 81, pp. 1212-1213.

nghiệp này, một đức tin không có gì để chứng minh trong chúng ta và chung quanh chúng ta. Một niềm tin vào tình yêu cao vời, cho không và hiệu quả của Đức Kitô Đấng cứu chuộc. Chỉ một đức tin như thế mới có thể mang con người vượt khỏi mọi xung đột để đi vào một vũ trụ đã được hoà giải. Chỉ mình nó mới giải thoát con người khỏi sợ hãi.

Từ đây, bằng hiểu biết của riêng mình, Phanxicô có thể nói: “người thích chịu hành hạ hơn bị tách khỏi anh em mình thì chắc chắn người đó sẽ kiên trì trong sự vâng phục đích thực, vì người đó hy sinh tín mạng vì anh em mình”.³⁰ Mẫu gương của Đức Kitô thôi thúc ngài đến với một tình yêu huynh đệ mới. Đối với một bề trên dòng vốn muốn tĩnh tâm trong cô tịch, xa các anh em mình với cố gắng, họ là một cản trở trên con đường đến với Chúa, thì Phanxicô vẫn có thể viết với thẩm quyền được đúc kết bởi kinh nghiệm bản thân:

*“Anh nên xem mọi chuyện vốn gây khó khăn cho anh trong việc yêu mến Chúa như một ân huệ đặc biệt, cả khi họ là anh em hay không là anh em, chính họ chịu trách nhiệm về điều đó... Hoặc cả khi họ đã đi quá xa đến nỗi gây tổn thương cho anh về mặt thể lý... thì anh vẫn phải yêu những người cư xử như thế đối với mình và anh không nên muốn một điều gì khác từ họ... Điều này sẽ là một mối lợi lớn cho anh còn hơn cả sự cô tịch của một tu viện khô hạnh.”*³¹

Trong cùng bức thư này, Phanxicô cho thấy chiều sâu tâm hồn mình; ngài để chúng ta thấy rõ ràng rằng, vũ trụ bên trong của ngài vì thế là một vũ trụ của tha thứ và giao hoà:

³⁰ Admonition 3, p. 80.

³¹ Letter 4, To a Minister, p. 110.

Tôi muốn anh chứng tỏ rằng, anh yêu Chúa và yêu cả tôi, là tôi tớ của Ngài và của anh theo cách thức sau. Trên đời này, chớ gì không có người anh em nào phải sa ngã phạm tội. Nhưng cho dù có ai đó sa ngã, và sa ngã đến đâu, thì họ vẫn sẽ không bao giờ thất bại khi đến với anh để xin được tha thứ khi chỉ cần nhìn vào mắt anh. Nếu người đó không xin tha thứ, thì anh tự hỏi, liệu anh ta có muốn điều đó không. Và nếu anh ta lại xuất hiện trước mặt anh một ngàn lần, thì anh cũng phải yêu thương người đó hơn là anh yêu tôi, để rồi anh mới có thể dẫn anh ta đến với Chúa.³²

Vũ trụ của người đặt trao niềm tin của mình vào Đức Kitô, cả khi người đó như một tội nhân trước mặt Ngài, vẫn giữ trọn niềm tin của mình vào Ngài, là một vũ trụ hoàn toàn khác với vũ trụ được phần lớn con người quan sát. Sự tha thứ là thực tại tối cao của vũ trụ này, một thực tại duy nhất vốn tỏ bày cho chúng ta sự huy hoàng của tình yêu Thiên Chúa nhưng đồng thời tuyệt đối canh tân toàn bộ tương quan của con người bằng cách thổi thần khí mới vào trong chúng. Đây là điều giúp chúng ta vượt qua một vũ trụ đầy thù hận, thiếu kiên nhẫn, gay gắt và tuyệt giao để đi vào một vũ trụ của bình an, cởi mở và hiệp thông. “Vì thế, hãy đón nhận nhau như Đức Kitô đã đón nhận anh em vì vinh quang của Thiên Chúa”.³³

Sự hiện diện mới mẻ trước thế giới này đặt tất cả dưới dấu hiệu của hoà giải vốn được gọi lên bởi Bài Ca Anh Mặt Trời của Phanxicô. Không phải thân thiết với thọ tạo có nghĩa là chọn một nhãn quan về thế giới nơi sự hoà giải mạnh hơn sự giao hoà sao? Không phải là mở lòng mình ra trước mọi chia cắt và cô

³² Ibid.

³³ Rm 15, 7.

tịch để đón lấy một thế giới hiệp thông trong hơi thở lớn lao của tha thứ và an hoà sao?

Phần kinh nghiệm thiêng liêng đó đã chạm đến phần sâu thẳm nhất của tâm hồn. Nó luôn trinh nguyên và ẩn giấu. Nó chỉ được biết qua biểu tượng: khi tán dương thế giới, linh hồn được liên kết thiết thân với mọi thọ tạo, tự nhuộm lấy màu sáng rực của mặt trời. Người hát Bài Ca Anh Mặt Trời sau khi bước ra khỏi đêm đen đã tự mình toả sáng, nhân từ như Đấng Tối Cao. Người đó có thể thực sự nói:

*Lạy Chúa, Ngài phải được tán dương
bởi những kẻ tha thứ vì tình yêu dành cho Ngài.
Người mang lấy thử thách và đau khổ
thì hạnh phúc biết bao nếu họ cam chịu trong bình an:
Nhờ Ngài, lạy Đấng Tối Cao, họ sẽ được tặng trao vương miện.*

8

MẶT TRỜI VÀ CÁI CHẾT

Chuyện xảy ra cuối mùa hè 1226. Ánh sáng mặt trời dịu nhẹ hơn, ít chói chang hơn, nho ngã sang màu vàng, mùi thơm quả mọng thoảng khắp vườn... một bác sĩ từ Arrezzo đã đến thăm Phanxicô vì căn bệnh của ngài trở nên trầm trọng hơn.

“Bác nghĩ gì về căn bệnh của tôi?”. Phanxicô hỏi.

“Hỡi người anh em”, bác sĩ đáp, “mọi chuyện sẽ ổn thôi”.

“Hãy nói thật với tôi”, Phanxicô cố nài, “bác sĩ nghĩ gì? Đừng sợ nói cho tôi hay”.

“Hỡi người anh em, tôi sẽ thẳng thắn với anh vì anh đã hỏi: căn bệnh của anh không thể chữa được bằng tri thức y học hiện giờ của chúng ta. Tôi nghĩ anh sẽ chết sớm, có lẽ vào cuối tháng chín hay đầu tháng mười”.

Đang nằm trên giường, nghe thế, Phanxicô, duỗi tay ra và hô lên: “Xin chào, Chị Chết của em!”... và dù đau đớn hơn bình thường, dường như ngài vẫn được thẩm thấu bởi một niềm vui mới. Rồi ngài nói, “Nếu việc tôi chết sớm làm vui lòng Chúa thì hãy gọi Anh Angelo và Anh Leo đến với tôi để họ có thể hát về Chị Chết của tôi”.³⁴

Hai anh em đến, dĩ nhiên, họ kìm nén nỗi buồn, hát Bài Ca Thọ Tạo. Sau đó, Phanxicô thêm vào đoạn thơ sau:

Lạy Chúa, Ngài thật đáng tán dương bởi chị Chết nơi thân xác con;

từ chị, không phàm nhân sống nào có thể trốn thoát.

Đáng nguyên rủa cho những ai chết trong tội nguy tử!

*hạnh phúc thay những ai chị sẽ tìm thấy trong thánh ý của ngài vì cái chết thứ hai không tác hại họ.*³⁵

³⁴ Cf. *Mirror of Pefection*, ch. 122 and 123, pp. 1262-1264.

³⁵ *Ibid.*, ch. 123.

Chúng ta nên cẩn thận để khỏi tách đoạn thơ này ra khỏi Bài Ca Anh Mặt Trời. Nó sẽ mất ý nghĩa. Mặt trời và cái chết: Phanxicô xem cả hai với một cái nhìn thân thiện như nhau và liên kết chúng trong cùng một lời ca ngợi. Điều quan trọng không phải ngài hát về Chị Chết nhưng ngài hát về chị đồng thời hát về Anh Mặt Trời. Thật sự khó khăn và khá hiếm hoi để trở nên thân thiết với mặt trời và với cái chết cùng lúc. Làm sao người yêu mặt trời có thể đối diện với cái chết mà không chút sợ hãi đang khi lẽ ra người chọn cái chết phải nguyên rửa mặt trời vì không còn tin vào cuộc sống nữa. Phanxicô hát về cái chết như một người chị; khi làm thế, ngài tiếp tục ca ngợi sự huy hoàng của vũ trụ với cùng một lòng nhiệt thành không hơn không kém. Bởi lẽ, ngài tin vào giá trị của con người và giá trị của sự sống ngay cả trong cái chết mà ngài có thể thấy một điều gì đó chiếu sáng đằng sau cánh cửa âm u. Về phía đó, cũng là ánh sáng. Ánh sáng đó cũng là một dấu hiệu cho ngài trong sự huy hoàng của mặt trời.

Ánh sáng này không chiếu cho mọi người. Phanxicô nhận ra điều này, “Đáng nguyên rửa thay những kẻ chết trong tội phải chết”. Những lời này có vẻ thực sự ảm đạm trong bài ca về ánh sáng, nhưng chúng cho thấy sự hấp dẫn của kinh nghiệm mà bài ca biểu lộ.

Phanxicô đã có một khoảng thời gian nào đó để suy gẫm về cái chết. Trong *Thủ bản* của ngài, chúng ta tìm gặp được một trang lâm ly, ở đó, ngài gọi lên cái chết cay đắng của một con người; cách nào đó, ngài đồng nhất hoá chính bản thân họ với một gia sản không thể từ bỏ. Hơn thế nữa, đối với những tài sản chiếm đoạt cách bất chính. Vượt quá những giằng co này, Phanxicô khái quát hoá và hình dung hoàn cảnh của một con người khi họ

đôi mắt với cái chết. “Mọi tài năng và khả năng, mọi tri thức và khôn ngoan mà người ta nghĩ là của mình đều bị lấy đi hết”.³⁶ Không tài sản nào có thể chống lại sự huỷ hoại của cái chết. Trong mắt của một người mà đôi với người đó, hiện hữu là sở hữu, thì cái chết thật đáng sợ và tuyệt vọng vì nó lấy đi khỏi người đó mọi sự. Sự tức đọat đó có thể là một sự huỷ diệt.

Suy cho cùng, tội tày đình luôn luôn là tội chiếm hữu bản ngã và chiếm hữu thế gian với bất cứ giá nào. Sự chiếm hữu đó ngăn cản con người, một hữu thể vô biên từ khi được sinh ra và loại trừ nó khỏi cuộc sống vốn nhất thiết là một quà tặng. Đây là cái chết thứ hai. Nhưng đối với người đã từ bỏ thái độ chiếm hữu đối với của cải và với chính mình, thì sự chết xảy đến một cách khác biệt. Nó không còn là kẻ thù, thậm chí nó không còn là sự huỷ diệt nữa. Nó xuất hiện như một bước quyết định trong hành trình dài tiến đến hiện hữu. Sự chết là hành động tốt cùng của sự từ bỏ chính mình vốn giao phó chúng ta hoàn toàn cho sự huy hoàng của hữu thể và sự sống.

Đây là cách Phanxicô nhìn cái chết của mình. Ngài không hừng chịu nó, ngài chào đón nó, tháp nhập nó vào trong đời sống của mình. Ngài cho nó là một sự lồng ghép sâu xa hơn vào trong mầu nhiệm của Đức Kitô: “Đừng giữ gì cho chính mình để Đấng đã phó dâng tất cả vì anh em có thể đón nhận con người toàn vẹn của anh em”.³⁷ Lời khuyên này, lời khuyên ngài dành cho các anh em mình, Phanxicô đã sống trọn vẹn khi đương đầu với cái chết. Theo gương Chúa và Thầy mình, ngài biến sự chết thành một biểu hiện của tình yêu trọn vẹn và một sự tin tưởng tuyệt đối. Và đó là lý do tại sao ngài ca ngợi nó như một người chị, mà dưới cái nhìn của nhân vật đó, ngài thấy mọi thứ sáng

³⁶ Letter 1, To All the Faithful, p. 98.

³⁷ Letter 3, To a Chapter, p. 106.

rực. Ánh sáng này là bí mật tối hậu của cuộc đời. Đó là ánh sáng của *agape*.

Thomas Celano đã thuật lại những ngày cuối cùng và những thời khắc sau hết của thánh Phanxicô cho chúng ta. Các anh em khóc không ai an ủi được. Vào thời điểm đó, Phanxicô xin bánh, chúc lành bánh và trao cho mỗi người trong họ một miếng; rồi ngài nhờ mang đến cho mình cuốn Tin Mừng và yêu cầu họ đọc đoạn của thánh Gioan, “Vào đêm Lễ Vượt Qua, Đức Giêsu, biết giờ mình rời bỏ thế gian mà về cùng Chúa Cha đã đến...” Vì thế, ngài tưởng niệm Bữa Ăn Cuối Cùng mà Đức Giêsu đã tỏ chức với các tông đồ.³⁸ Đây là một trong những hành động cuối cùng của Phanxicô. Rõ ràng, ngài cho thấy trong đó ý nghĩa ngài muốn mặc cho cái chết của mình: đó là một sự hiệp thông chứ không phải chia cắt.

“Để hoàn toàn giống Đức Kitô chịu đóng đinh bị treo trên thập giá, nghèo khổ, trần trụi và đốn đau”,³⁹ ngài muốn để trần trụi trên đất trụi trần vào những khoảnh khắc cuối cùng của mình. Khát vọng bị tước bỏ tất cả và hiệp thông khiêm tốn với đất diễn tả xu hướng của cả cuộc đời. “Giờ cuối cùng đã đến khi mọi mầu nhiệm của Đức Kitô đã được thực hiện trong ngài, linh hồn ngài quyện bay trong niềm vui của Thiên Chúa”.⁴⁰ Đêm mừng ba tháng mười. Trên Portiuncula, nơi thân xác Phanxicô nằm, đàn chim chiêm chiêm hát ca trong ánh sáng của hoàng hôn.

Francois Mauriac, viết về người mẹ hấp hối của mình, có lần nói, “Ngọt ngào thay khi nhìn thấy ánh sáng! Chính trong ánh mắt thánh thiện của ngày mà Antigone không thể chịu được

³⁸ 2 Celano 217, p. 536.

³⁹ Legenda Major, 14, p. 739.

⁴⁰ 2 Celano 217, p. 536.

chào đón sự chia lìa... Đồng thời, người mẹ hấp hối của tôi, nhìn trời chiều thánng sáu qua khung cửa sổ, thốt lên tiếng kêu như Antigone, “Chính ánh sáng này mà tôi nhớ, những cây này...”, mẹ thở dài”. Phanxicô Assisi không nói gì. Ngài không cảm thấy mình đang rời bỏ hay đánh mất gì. Chắc chắn trong một thời gian dài, đôi mắt đau đớn của ngài đã không cho phép ngài thưởng thức ánh sáng mặt trời. Tuy nhiên, ngài không bao giờ nói lời từ biệt nó. Đối với ngài, nó không còn là một cái nhìn bên ngoài nhưng đã trở thành một sự hiện diện bên trong. Ánh sáng của mặt trời rung động bên trong ngài; từ đó, nó là một phần của hữu thể ngài. Như Violaine trong *L’Annonce faite à Marie*, Phanxicô có thể thực sự nói:

“Tôi đã mất đôi mắt.

Chỉ linh hồn tôi nán lại trong thân xác đang chết này”.

“Mù lòa!

Vậy làm sao anh có thể đi thẳng như thế?”.

“Tôi nghe”.

“Anh nghe điều gì?”

“Những thứ sống trong tôi”.

LỜI KẾT:

THÁNH BỒN MẠNG CỦA CÁC NHÀ SINH THÁI

Tương quan của con người với thiên nhiên lại trở thành mối bận tâm hàng đầu của chúng ta. Cuộc khủng hoảng sinh thái hiện nay đang buộc chúng ta xem lại thái độ của mình trước các thực tại thiên nhiên.

Nhờ vào sự phát triển công nghệ, con người đã đạt được quyền hạn ngày càng cao trên thiên nhiên. Nền văn minh công nghiệp, dựa trên quyền lực này, đã khai thác nó tận gốc bằng cách bắt nó phục vụ cho khát vọng hiệu suất và trục lợi. Ngày nay, thế giới thiên nhiên bị xem như một đối thể mà con người công nghệ, được thúc đẩy bởi khát vọng hiệu suất và trục lợi này tấn công. Không gì buộc phải chống lại những cuộc tấn công này vì con người trong thời đại công nghiệp không phải là “Chủ và người sở hữu thiên nhiên sao?”. Con người đã tin điều này cho đến bây giờ và chắc chắn, con người vẫn tin điều đó.

Tuy nhiên, ngày nay, con người khám phá rằng, qua việc đối xử với thiên nhiên như thế, con người đang huỷ diệt môi trường tự nhiên của mình; đồng thời, huỷ hoại luôn các giá trị - nếu không thể- của đời sống con người. Các phương tiện thông tin đại chúng và một nền văn học chuyên biệt đã lôi kéo sự chú ý đến mối đe dọa nghiêm trọng vốn đè nặng trên tương lai của nhân loại do sự khai thác bừa bãi thiên nhiên và tài nguyên của nó.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn một mối nguy khác mà nền văn minh kỹ thuật - công nghiệp đang áp đặt trên con người mà người ta ít bàn đến, chắc chắn vì nó ít rõ ràng hơn nhưng lại liên quan một cách sâu xa nhất đến hữu thể chúng ta. Nó không được liên kết chặt chẽ trong tương quan hiện tại của chúng ta với thiên nhiên. Nền văn minh kỹ thuật - công nghiệp của chúng

ta hiểu và phát triển chỉ một phần rất hạn hẹp hữu thể con người, đó chính là phần bảo đảm cho con người sự làm chủ và sở hữu thiên nhiên, nghĩa là một kiến thức tính toán và hoạch định, một lý trí chỉ để thống trị, một ước muốn tổ chức, xâm chiếm và sản sinh. Nền văn minh kỹ thuật - công nghiệp bỏ qua toàn bộ đời sống cảm xúc và trực giác của con người: Nó không quan tâm đến những trực giác đồng cảm hay một lối suy nghĩ, chiêm niệm và chiêm ngắm. Giá trị của sự nhạy cảm, hiệp thông và chiêm ngắm không có chỗ trên thị trường công nghiệp. Chúng không có lợi cho bất cứ thứ gì. Chúng phải nhường chỗ cho hiệu năng và dẫn đo lạnh lùng. Vì thế, một phần toàn vẹn của con người bị bỏ xó ở hậu trường và bị đẩy vào bóng đêm: mọi thứ vốn buộc chặt con người với toàn bộ đời sống và hữu thể. Tuy nhiên, không có phần này, con người không thể nhận ra đầy đủ chính mình; không tiếp cận một nhân tính sâu sắc hay một đời sống thiêng liêng đích thực.

Một lý trí vốn tính toán và hoạch định chắc chắn có nhiều điểm tốt ủng hộ nó. Nó hoàn toàn hợp pháp và cần thiết. Nhưng ở mức nó trở thành riêng biệt hay thậm chí hoàn toàn chiếm ưu thế, thì nó lại dẫn đến một sự bản cứng hoá con người. Nó huỷ hoại tận căn điều kiện cần thiết cho sự cảm thông: sự nhận thức trực tiếp cuộc sống và giá trị của nó. Con người, bị nhấn chìm trong lý trí công nghệ, đặt mình trực tiếp trên thiên nhiên mà mình khai thác và cướp phá. Con người cư xử như thể mình không có gốc rễ trong nó. Thực tế, con người đã bị lật gốc. Đối với con người, những năng lực tri thức của sự gắn bó và hiệp thông không còn đóng vai trò gì trong tương quan của nó với thiên nhiên. Các khả năng hiệp thông vốn hiện diện ở đây đã bị bão hòa.

Điều này gây ra những hậu quả không thể tránh khỏi trên bình diện tương quan giữa con người và đời sống xã hội. Với thời gian, khi không thể bộc trực thông cảm với toàn bộ đời sống và hữu thể, con người trong thời đại kỹ thuật - công nghiệp lại dành sự miễn cảm của mình khi dần thân vào một nhóm xã hội tượng trưng nào đó, nói cho cùng cũng chỉ để bảo vệ lợi ích của mình. Một phong trào xã hội vốn chỉ dựa trên sự miễn cảm và nhân hậu đối với mọi người không còn cơ hội thành công trong nền văn minh của chúng ta nữa. Chắc chắn con người hiện đại đang tìm thuốc chữa cho sự bản cứng hóa này trong nhiều nhân quan trừu tượng về nó. Tất cả các tư tưởng hiện đại lại nảy sinh từ việc thiếu tham gia sinh động và đầy cảm xúc này. Nhưng phương thuốc này chỉ là một mặt nạ.

Theo cách này nền văn minh kỹ thuật - công nghiệp, bị bỏ mặc cho ác quỷ của nó, hai lần kết án con người: bằng cách tấn công môi trường và làm ô nhiễm các nguồn cảm thông và hiệp thông vốn hiện diện ở tận căn của con người.

Đương đầu với mối nguy này, con người nhã nhặn nhất sẽ từ bỏ thái độ của con người hiện đại đối với thiên nhiên. Tiến bộ kỹ thuật không được xem như quỹ dữ trong chính mình, chỉ tinh thần của Prômêthê mới thôi thúc và sử dụng nó. Chúng ta được mời gọi mở lòng ra đón nhận một nguồn cảm hứng khác. Một chuyên gia sinh thái, Giáo sư Lynn White, không ngần ngại gọi lên tấm gương của Phanxicô Assisi; ông đi khá xa khi đề xuất vị thánh này, một người yêu quý thiên nhiên, làm thánh bổn mạng của các nhà sinh thái. Lời đề nghị không bông lơn. Cho đến thời đại chúng ta, con người của nền văn minh công nghiệp đã chỉ nghĩ đến sự thống trị và khai thác thiên nhiên, giờ đây, nó phải học cách thân thiết với thiên nhiên, trước nguy cơ xoá bỏ nó. Và ai có thể làm hướng dẫn viên tốt trên con đường này hơn

Phanxicô Assisi? Trong sự xáo trộn hiện nay, chúng ta có thể được lợi rất nhiều bằng cách trở về với thành tựu duy nhất của ngài. Không khước từ tiến bộ tuyệt diệu của công nghệ, chúng ta có thể lấy nguồn cảm hứng từ mô hình sống mà Phanxicô là một tấm gương.

Tương quan huynh đệ của Phanxicô với sự vật và con người thì không theo thuyết duy cảm hoặc nhân hình thuyết. Nó được đánh dấu trước tiên bởi sự kính trọng sâu xa: một sự kính trọng phát xuất từ tình trạng hiệp thông với đời sống và con người tự nhận biết trực tiếp giá trị của chúng. Phanxicô cảm thông sâu sắc với mọi vật hiện hữu và sống động. Vì thế ngài “cắm anh em cắt cả cái cây khi đốn củi”, Thomas Celano thuật lại, “để nó có thể có hy vọng đâm chồi lại”.⁴¹ Sự nghiêm cấm này không đến với ngài từ nhãn quan về tư lợi nhưng từ lòng tôn trọng sự sống vốn bao gồm những vật hèn mọn nhất. Trong mắt ngài, trước hết, cần phải bảo vệ sự sống, cho phép nó bắt đầu lại và đâm chồi lần nữa. Đây không phải là một gương sáng bị cô lập khỏi cuộc đời của Phanxicô; nó là cách phản ứng thông thường của ngài. Đôi lúc tình yêu sự sống đó buộc ngài thả những con vật bị bắt.

Tận đáy việc hiệp thông với sự sống của thọ tạo nơi Phanxicô là sự khiêm tốn căn bản. Thánh Phanxicô rất ý thức về phẩm giá của con người. Ngài không cô lập mình trong sự ý thức của ngài về phẩm giá này; ngài không tách mình ra giữa thọ tạo. Trên hết, ngài không chiếm chỗ của Tạo Hoá. Ngài coi mình như một thọ tạo, hoàn toàn phụ thuộc vào Thiên Chúa. Trong khía cạnh này, ngài không ngần ngại đặt mình ở giữa thọ tạo. Ngài cảm thấy khi ở gần chúng, giữa chúng. Khi làm thế, ngài nhận ra rằng, chỉ Thiên Chúa mới là Thiên Chúa. Căn bản đó là một ý

⁴¹ 2 Celano 165, p. 495.

thức tôn giáo vốn dẫn ngài đến chỗ nối kết chính mình với thế giới thọ tạo và mở lòng mình ra đón nhận ý nghĩa sâu sắc của thế giới bằng cách làm cho ngài thấy trong mọi thọ tạo anh chị em vốn được sinh ra từ cùng một tình yêu sáng tạo.

Sự ý thức mang tính tôn giáo căn bản này đã mang lại một hiệu quả tuyệt diệu đối với ngài: Nó giải phóng khả năng đồng cảm của ngài khỏi mọi giới hạn và mọi gánh nặng; nó hồi phục sự tươi mát nguyên tuyền của chúng; nó thả lỏng chúng, không làm cho chúng vấp ngã với lòng tự tôn tự ti nào đó. Đáng chú ý là sự trở về của Phanxicô với Tin Mừng, của sự khiêm tốn và khó nghèo không hề bóp nghẹt những suối nguồn sống động của cảm thông bên trong ngài, mang cho chúng cơ hội tốt nhất để trào tràn. Đối với ngài, thế giới không còn là một đối thể để thống trị hay chiếm hữu nữa; nó là thực tại huy hoàng, trong đó, con người được phép sống và hợp tác với tất cả trong thọ tạo. Dòng cảm thông vốn gắn bó Phanxicô với thế giới thì mạnh mẽ và quá sâu sắc đến nỗi nó mang ngài đến chỗ phục hồi một tình yêu sáng tạo lớn lao vốn hiện diện trong mọi hữu thể và trong mọi sự sống, sự hiện diện của ngài với người khác và sự vật tham dự vào tình yêu của Thiên Chúa dành cho thọ tạo của ngài.

Nhưng đồng thời, những trực giác cho lòng mẫn cảm và hiệp thông của ngài được thả lỏng ở mức độ sâu xa này; một mức độ mà ngài không tìm kiếm, và một cách vô thức, Phanxicô khám phá bí mật của một nhân tính trọn vẹn. Ngài đi vào sự sở hữu sự toàn vẹn cảm xúc của mình. Một sở hữu được cất nhắc từ tính cô hủ và quy ngã của nó nay lại hoạt động dưới ánh sáng của một tình yêu đại đồng dành cho hữu thể và sự sống. Nó dính hôn với mục đích sáng tạo và được tháp nhập vào động cơ của tinh thần mà nó thông truyền hơi ấm và sức sống cho động cơ đó. Đây chính là điều mang lại cho tính cách và bản chất Kitô

hữu của ngài một sự sung mãn có một không hai và một năng lực cừ khôi. Đây cũng là điều được diễn tả trong Bài Ca Mặt Trời. Một sự kính cẩn sâu sắc dành cho Tạo Hoá, bài ca này cũng là một sự tán dương, một sự biến đổi sâu sắc của con người và việc con người được sinh ra trong sự sống sung mãn. Ở đây ca ngợi sự sống và ca ngợi Thiên Chúa thì như nhau. Đây là kết cục của việc đặt đời sống và đức tin bên cạnh nhau. Đức tin tái khám phá ngôn ngữ của cuộc sống và chính cuộc sống tự nó được sung mãn trong sự ngợi ca và nguyện cầu.

Ngay cả ngày nay, có những người không thể mở lòng mình ra đón nhận cảm hứng này và rung nhịp với nó - nguồn cảm hứng đã dẫn đưa Phanxicô đến chỗ nhìn thấy chính mình và tự coi mình như một người anh em đích thực của thọ tạo. Một trong các bằng chứng đó là bộ phim của Sucksdorff, *La grande Aventure*. Bằng cách này, bộ phim là một Bài Ca Thọ Tạo khác. Điều xảy ra xuyên suốt bộ phim, quả thực, là một tình yêu thiên nhiên và sự sống lớn lao. Nó diễn ra trong một thế giới huyền bí của khu rừng. Đây là biểu tượng đời sống sâu xa và bí ẩn của thiên nhiên, trong đó, con người không còn tham gia vào nữa nhưng tin mình có thể thống trị thiên nhiên bằng cách huỷ diệt và xâm chiếm. Tuy nhiên, ở đây ý tưởng tâm tối này được liên kết với tuổi thơ. Do thương cảm, một số đứa trẻ cứu thoát một con rái cá bị sập bẫy; chúng bắt nó và bí mật chăm sóc nó, cho nó ăn và thuần hoá nó. Những điều này diễn ra mà không một người nào hay biết, những con người huỷ diệt và xâm chiếm. Đột nhiên những đứa trẻ chuyển sang một khía cạnh khác: khía cạnh cuộc sống. Chúng cảm thông và cam kết chống lại con người. Vì vậy chúng đi vào trò chơi bí mật “Cuộc phiêu lưu lớn”. Đối với chúng, đêm trở nên sáng, rừng trở nên chói chang, được rạng ngời bởi ánh sáng toả lan. Bộ phim là bài ca mặt trời, bóng tối, suy tư; nó là bài ca của gió trong đám sậy bên bờ ao,

bài ca mưa rơi và bài ca thỉnh lặng. Nó là sự sống, toàn bộ sự sống, trong thế giới của khu rừng: một vương quốc đơn sơ và nghiêm trọng, nơi cuộc đấu tranh sinh tồn là mối bận tâm trước tiên. Nhưng sự tàn bạo của cuộc đấu tranh này không loại trừ tình yêu hay sự triu mến - tình yêu và sự triu mến vốn được khám phá chỉ bởi những ai nhờ vào tinh thần trẻ thơ đã liên minh với cuộc sống. Vì thế bộ phim đã trở thành một bài thơ về tuổi thơ. Nó là một bài ca sự sống dưới mọi hình thức và thậm chí dưới hình thức tốt cùng của nó: sự chết.

Tuy nhiên, việc thuần hoá con rái cá nhỏ chỉ là một bước đối với bọn trẻ. Thuần hoá vẫn là một sự chiếm lấy, sở hữu. Đó là lý do tại sao cách thức tham gia vào “cuộc phiêu lưu lớn” này không diễn ra mà không được đánh dấu bởi những nỗi lo và ác mộng. Bọn trẻ sống trong nỗi sợ mất con rái cá của chúng. Chúng sợ một ai đó sẽ cướp nó hay nó sẽ tẩu thoát. Khi chúng khám phá, vào một sáng mùa xuân, rằng con rái cá thực sự đã tẩu thoát, thì trước hết nó là một nỗi thất vọng đối với chúng, một sự khiếp đảm đích thực.

Nhưng rồi, một điều gì đó quyết định và tuyệt diệu xảy ra. Khi nhìn thấy một đàn cò trên trời, bọn trẻ nhìn đàn chim bay một hồi lâu. Rồi gương mặt chúng rạng rỡ và chúng cười; chúng đã hiểu: “cuộc phiêu lưu lớn” không bao giờ ngừng. Lần này chúng đã thực sự đi vào bí mật của cuộc sống. “Cuộc phiêu lưu lớn”, một đũa trong bọn chúng bảo, “chưa kết thúc; nó ở trong tâm hồn tôi”. Trong một tâm hồn menh mông và tự do như chính cuộc sống. Một tâm hồn đơn sơ và nghèo khó.

Bài Ca Thọ Tảo không để lại sự nghèo khó đằng sau. Nghèo khó không chỉ là từ chối chiếm hữu mà nó còn nhiều hơn thế. Trước mọi yếu tố khác, nó là một nỗi khát khao hiệp thông với

vũ trụ, một hình thức đón nhận không giới hạn. Nếu Phanxicô từ chối toàn bộ sự gắn kết riêng tư, thì đó là để mình được tự do yêu quý mọi thọ tạo. “Tất cả những gì bị lấy khỏi ngài”, Lavelle viết, “mở rộng chân trời của ngài”. Sự nghèo túng, vì thế, được hiểu đã mang lại một cảm xúc siêu việt đích thực cho chính mình. Khả năng đồng cảm và hiệp thông, thay vì được ấn định ở trung tâm sở thích hạn hẹp, được mở ra cho giá trị của hữu thể và sự sống. Tình tiết trong tác phẩm *Sacrum Commercium* nổi tiếng: Bà Poverty (Nghèo) đã được anh em đón nhận và bà hỏi, làm sao bà có thể tìm ra tu viện của họ. Các anh em dẫn bà lên sườn đồi, chỉ cho bà toàn cảnh tráng lệ, họ nói với bà: “Thưa bà, đây là tu viện của chúng tôi”.

Tu viện tuyệt vời này, rộng như vũ trụ, không chỉ là một cảnh quang để chiêm ngắm. Nó là một cuộc sống người ta tham gia vào. Nó chính là hành động sáng tạo; người đồng cảm với tất cả những gì hiện hữu và sống động thì tham gia vào sự sống đó bằng cách yêu thương con người và vạn vật - muôn người muôn vật.

Chắc chắn một ngày nào đó, Phanxicô bị cám dỗ ấn mình trong cô tịch và quay lưng lại với thọ tạo để phó mình hoàn toàn cho sự chiêm ngắm Thiên Chúa; thế nhưng, ngài hiểu rằng, Thiên Chúa không thể bị tách ra khỏi tình yêu, Ngài là tình yêu vốn sáng tạo và cứu chuộc. Không thể gặp Ngài ngoại trừ bằng cách mở lòng mình ra đón nhận tình yêu sáng tạo và cứu chuộc này. Đứng vượt trên thế giới vô cùng cũng đã chọn ở vô cùng với nó. Khi Phanxicô khám phá lễ Giáng Sinh,⁴² thì ngài hít thở sự triu mến của Thiên Chúa trong hơi thở của bò lừa. Ngài thấy hài nhi thức dậy; khi nhìn hài nhi, ngài chiêm ngắm ánh sáng sự sống.

⁴² Cf. 1 Celano 84, 85, 86, pp. 299-301.

Một người đã trải nghiệm điều này thì không có vị giác nào trong miệng cho những gì tiêu cực. Người ta không thể nói về tính thứ yếu của sự vật nữa. Bên trên cái chuồng tồ tàn nhất, người đó thấy ngôi sao chiếu sáng. Anh biết giá trị của con người và sự vật, trên hết là giá trị của những kẻ Đức Kitô cứu bằng máu của mình. Đây thực sự là “khoa học hạnh phúc”, và Bài Ca Thọ Tào của Phanxicô là khoa học hát ca này. Nó là lời khẳng định cao nhất mà chúng ta có thể đưa ra về giá trị của hữu thể và sự sống như chúng ta đã nhận chúng từ bàn tay Thiên Chúa.

“Kính chào Nữ Hoàng Khôn Ngoan! Thiên Chúa cứu bà cùng với người chị của bà, Bà Đơn Sơ tinh tuyền và thánh thiện”.⁴³ Tuy nhiên, không gì đơn sơ hơn Bài Ca Mặt Trời, nhưng bài ca này cũng là hoa trái mọng chín của một sự khôn ngoan lâu dài. Một trái cây vô hình, phi trọng lượng, nhưng những hạt giống có cánh bay trong gió mùa thu, khi rơi xuống lại mang trong mình một mầm hy vọng sống.

⁴³ The Praises of the Virtues, p. 132.